

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
---📖---



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

Mã số: 7510605

*(Ban hành theo quyết định số 613b/ĐHKTKTCN ngày 26/8/2022 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)*

Hà nội - 2022

MỤC LỤC

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo	3
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo	3
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo	4
2. Mục tiêu của chương trình đào tạo	4
2.1. Sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường	4
2.2 Sứ mạng, tầm nhìn của Khoa	5
3. Chuẩn đầu ra	6
3.1. Kiến thức	6
3.2. Kỹ năng	7
3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm	7
3.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp	7
3.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	8
4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo	8
5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp	9
5.1 Thông tin tuyển sinh	9
5.2. Điều kiện tốt nghiệp	9
6. Phương pháp giảng dạy và học tập	9
7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá	10
7.1. Các hình thức đánh giá	10
7.2 Điểm đánh giá học phần	10
8. Cấu trúc chương trình đào tạo	12
8.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá:	12
8. 2 Nội dung chương trình	12
8.3 Kế hoạch giảng dạy dự kiến	16

9. Ma trận đóng góp của các học phần theo yêu cầu năng lực của chuẩn đầu ra	14
10. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo.....	17
11. Mô tả tóm tắt học phần	19
12. Đối sánh chương trình đào tạo	39
12.1. Đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.....	39
12.2. Đối sánh khung chương trình đào tạo.....	41
13. Hướng dẫn thực hiện	64
13.1. Nguyên tắc chung	64
13.2. Kế hoạch đào tạo.....	65



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng Mã số: 7510605

Loại hình đào tạo: Chính quy

*(Ban hành theo quyết định số 613b/ĐHKTKTCN ngày 26/8/2022 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)*

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân logistics và quản trị chuỗi cung ứng được xây dựng theo định hướng ứng dụng, nhằm đào tạo Cử nhân logistics và quản trị chuỗi cung ứng có phẩm chất chính trị, có đạo đức nghề nghiệp, thái độ lao động và sức khỏe tốt, có tinh thần xã hội cao, nắm vững kiến thức cơ bản và hiện đại về kinh tế, quản lý và xã hội nhân văn. Có trình độ về CNTT và ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc. Nắm vững kiến thức chuyên sâu về lý thuyết logistics và quản trị chuỗi cung ứng, kiến thức và kỹ năng chuyên nghiệp về hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch logistics và quản trị chuỗi cung ứng của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu, tự bổ sung kiến thức theo các vị trí công việc.

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước. Được xây dựng trên các giáo trình về logistics và chuỗi cung ứng từ các trường đại học hàng đầu quốc tế và được thay đổi, bổ sung, cập nhật thường xuyên để phù hợp với thực tiễn ở Việt Nam nhưng vẫn giới thiệu được những kiến thức tiên tiến trên thế giới.

100% giảng viên giảng dạy chuyên ngành đã học tập hoặc được đào tạo trong các lĩnh vực về kinh tế, lĩnh vực logistics và quản trị chuỗi cung ứng. Đội ngũ giảng viên cơ hữu giàu kinh nghiệm giảng dạy và thực tế. Áp dụng phương pháp dạy học tiên tiến lấy người học là trung tâm.

Bên cạnh những kiến thức giáo dục đại cương, các chuyên ngành về kinh tế, sinh viên ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng sẽ được đào tạo chuyên sâu để có những kiến thức chuyên ngành và những kỹ năng cần thiết trong lĩnh vực như sau:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu

- Quản lý kho vận
- Logistics
- Hải quan
- Thị trường
- Thương mại điện tử

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1	Tên chương trình đào tạo:	Cử nhân Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
2	Trình độ đào tạo:	Đại học
3	Ngành đào tạo:	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
4	Mã số:	7510605
5	Thời gian đào tạo	4 năm
6	Loại hình đào tạo:	Chính quy
7	Tên văn bằng tốt nghiệp	Cử nhân
8	Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
9	Ngày tháng ban hành/cập nhật:	26/08/2022

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của chương trình được xây dựng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp; tương thích, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Khoa nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học định hướng ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

2.1. Sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường

2.1.1. Sứ mạng

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hoạt động theo cơ chế tự chủ, thực hiện các chức năng giáo dục – đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng đáp ứng mục tiêu xã hội và yêu cầu Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước.

2.1.2. Tầm nhìn phát triển

Đến năm 2030 trở thành trường đại học định hướng ứng dụng uy tín, nằm trong nhóm các trường đại học ứng dụng hàng đầu của cả nước

2.1.3 Giá trị cốt lõi

Phát triển bền vững, coi trọng chất lượng, hiệu quả, luôn tự đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội. Lấy mục tiêu phát triển bền vững là nền tảng; Chất lượng, hiệu quả là mục tiêu hướng tới; Đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội là phương châm hành động.

2.1.4. Triết lý giáo dục

“Học tập để kiến tạo tương lai”

2.2 Sứ mạng, tầm nhìn của Khoa

2.2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng được xây dựng theo định hướng ứng dụng, nhằm đào tạo Cử nhân Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng phát triển một cách toàn diện về kiến thức, kỹ năng về mức tự chủ và chịu trách nhiệm; Có phẩm chất chính trị, có đạo đức và sức khỏe tốt; Có kiến thức cơ bản về xã hội nhân văn, kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; Có trình độ về CNTT và ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc; Nắm vững các kiến thức cơ bản và chuyên môn sâu về Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; đáp ứng các yêu cầu về quản lý các hoạt động sản xuất, cung ứng trong các khâu của chuỗi giá trị doanh nghiệp, chuỗi giá trị ngành; có năng lực tham mưu, tư vấn và có khả năng tổ chức các hoạt động Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

2.2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.2.1 Về kiến thức

MT01. Vận dụng linh hoạt kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật trong công việc chuyên môn.

MT02. Nắm vững được kiến thức cơ sở khối ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.

MT03. Kết hợp được những kiến thức căn bản cần thiết về công nghệ thông tin, các nền tảng ứng dụng các hệ thống mô phỏng logistics.

MT04. Phát triển các kiến thức chuyên môn toàn diện về hoạt động Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của doanh nghiệp.

MT05. Kết hợp các kiến thức về các hoạt động quản trị kinh doanh trong doanh nghiệp với các hoạt động Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

2.2.2.2 Về kỹ năng

MT06. Thể hiện được các kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật và công nghệ mới trong hoạt động Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.

MT07. Nắm vững được kiến thức công nghệ thông tin và ngoại ngữ đáp ứng được yêu cầu công việc. Khai thác được các ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm mô phỏng trong hoạt động Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.

MT08. Thành thạo các kỹ năng thiết kế, xây dựng, quản trị hệ thống Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.

MT09. Giải quyết được các bài toán liên quan đến kho hàng vận tải, các thủ tục hải quan..., với chi phí thấp nhất và thời gian nhanh nhất

2.2.2.3 Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

MT10. Giải thích được các vấn đề thực tiễn liên quan đến hoạt động Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.

MT11. Thích ứng trong công việc chuyên môn về Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng với các hoạt động khác trong doanh nghiệp.

MT12. Thể hiện kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để thích ứng với các hoạt động kinh doanh hiện đại và sự không chắc chắn của chuỗi cung ứng.

2.2.2.4 Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (*theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDDĐT-BTTTT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Kiến thức

- CDR1: Nhận thức được thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn, vận dụng một cách khoa học các quan điểm của Đảng và Nhà nước

- CDR2: Vận dụng kiến thức cơ bản về Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và Nhân văn để ứng dụng nghiên cứu, giải quyết các vấn đề thực tiễn của tổ chức

- CDR3: Nắm vững những nội dung cơ bản về công tác quốc phòng – an ninh của Việt Nam trong điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước và có sức khỏe tốt để học tập, làm việc suốt đời

- CDR4: Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực quốc gia về ngoại ngữ

- CDR5: Có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (*theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDDĐT-BTTTT*).

- CDR6: Vận dụng được những kiến thức cơ bản và hiện đại về kinh tế và xã hội nhân văn trong các hoạt động Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

- CDR7: Vận dụng các qui định của pháp luật vào hoạt động kinh doanh, nắm vững các kiến thức nền tảng trong kinh doanh vào vận hành các hoạt động Logistics và hậu cần cung ứng trong doanh nghiệp

- CDR8: Vận dụng các kiến thức để xây dựng kế hoạch thực thi các chiến lược trong hoạt động Logistics và cung ứng hàng hóa

- CDR9: Vận dụng kiến thức về nghiên cứu thị trường, tổ chức kinh doanh, để đàm phán và quản lý các mối quan hệ với khách hàng

- CDR10: Hiểu và vận dụng thành thạo phương pháp tổ chức quá trình cung ứng, phân phối và vận chuyển giao nhận và bảo quản hàng hóa

- CDR11: Vận dụng kiến thức về kinh doanh để kiểm soát các nghiệp vụ Logistics đồng thời có khả năng sử dụng các phần mềm thống kê trong phân tích kinh doanh, các phần mềm quản lý kho vận, phần mềm thanh toán trực tuyến

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng cứng

- CDR12: Có khả năng quản lý và phát triển hệ thống kênh phân phối, kho vận, chuẩn bị cơ sở hạ tầng cho hoạt động Logistics. Và hoạt động cung ứng cho doanh nghiệp

- CDR13: Có khả năng đàm phán ký kết các hợp đồng kinh tế, thực hiện các nghiệp vụ về kinh doanh xuất nhập khẩu, nghiệp vụ hải quan và thanh toán quốc tế

- CDR14: Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ giao dịch thương mại hiện đại

- CDR15: Có khả năng hoạch định và khởi tạo doanh nghiệp

3.2.2. Kỹ năng mềm

- CDR16: Thành thạo trong giao tiếp và thiết lập mối quan hệ

- CDR17: Có kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc theo nhóm (team work)

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CDR18: Có khả năng tự học, tìm tòi và sáng tạo, khả năng độc lập để làm việc có kế hoạch và khoa học

- CDR19: Có ý thức công dân, chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương, đường lối của Đảng chính sách và pháp luật của nhà nước

- CDR20: Có phẩm chất đạo đức cá nhân, ý thức kỷ luật lao động, tự tin và kiên trì theo đuổi mục tiêu

- CDR21: Có trách nhiệm với công việc, đáp ứng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực.

3.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp có thể đảm nhận tốt các vị trí công việc tại các cơ quan, doanh nghiệp như sau:

Nhóm 1: Các doanh nghiệp: Sinh viên tốt nghiệp ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng có thể làm việc tốt tại các vị trí công việc:

+ Bộ phận quản lý, vận hành các hệ thống quản lý kho hàng;

+ Bộ phận kinh doanh tại các doanh nghiệp Logistics;

+ Bộ phận chứng từ, sổ sách, vận đơn tại các doanh nghiệp cung ứng, phân phối và xuất nhập khẩu;

- + Bộ phận điều phối các cảng hàng không, vận tải thủy nội địa, cảng biển, hãng tàu;
- + Bộ phận giao nhận vận chuyển
- + Chuyên viên thu mua, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước;
- + Chuyên viên hiện trường, hải quan.
- + Tư vấn viên về các thủ tục hải quan,
- + Thanh toán quốc tế, thương mại xuất nhập khẩu;

Nhóm 2: Các cơ quan quản lý nhà nước

Vị trí: Chuyên viên tư vấn chính sách; chuyên viên phân tích dự báo; Chuyên viên phụ trách các trung tâm xúc tiến; và các vị trí liên quan đến hoạt động Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng,

Nhóm 3: Nghiên cứu và giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu

Vị Trí: Trợ giảng, giảng viên giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học; nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu.

3.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác;
- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																				
	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21
MT1	x	x	x																		
MT2				x		x	x														
MT3					x		x	x	x												
MT4							x	x	x	x	x										
MT5								x	x	x	x										
MT6												x	x								
MT7													x	x							
MT8														x	x	x					
MT9															x	x	x				
MT10														x	x			x			
MT11																			x	x	
MT12																		x	x	x	x

5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

5.1 Thông tin tuyển sinh

Căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thông báo và hướng dẫn của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (<https://uneti.edu.vn/chuyen-muc/tuyen-sinh>)

+ Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

+ Phương thức tuyển sinh: Theo phương thức xét tuyển trong đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 392/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định trong Quy chế;

c) Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có các chứng chỉ hoặc chứng nhận ngoại ngữ, tin học theo quy định của Nhà trường với từng đối tượng và thời điểm;

đ) Có các chứng chỉ hoặc chứng nhận giáo dục quốc phòng – an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục – thể thao;

e) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học

6. Phương pháp giảng dạy và học tập

Chương trình đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng được triển khai giảng dạy theo phương pháp giảng dạy tích cực thúc đẩy sinh viên phát triển ý tưởng sáng tạo. Để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, Khoa Thương mại đã xây dựng các chiến lược giảng dạy – học tập. Việc lựa chọn phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học vừa phải đảm bảo phù hợp đặc thù của khoa, vừa trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghề nghiệp cũng như các kỹ năng mềm

Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của CTĐT và phương pháp dạy – học

Hoạt	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
------	---------------------------------------

động giảng dạy và học tập	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21
Thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Phát vấn	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Thảo luận nhóm					x		x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Tự nghiên cứu							x	x	x	x	x	x						x	x	x	x
Thực hành giảng dạy	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

7.1. Các hình thức đánh giá

Đánh giá sinh viên trong quá trình học tập là hoạt động xác độ mức độ đạt được CĐR của học phần từ đó bảo đảm sinh viên đạt được CĐR của chương trình đào tạo. Việc đánh giá kết quả học tập được căn cứ theo Quyết định số 392/QĐ-ĐHKTTCN, ngày 10 tháng 09 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ

- Đánh giá ý thức và thái độ học tập: Đánh giá mức độ chuyên cần
- Đánh giá theo hình thức tự luận: Thực hiện đối với bài kiểm tra định kì hệ số 2 (số bài kiểm tra tương ứng với số tín chỉ của học phần)
- Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm: Thực hiện đối với bài kiểm tra định kì hệ số 1
- Đánh giá theo hình thức vấn đáp: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình giảng dạy
- Đánh giá theo hình thức thực hành: Đối với các học phần thực hành, thực tập, tiểu luận môn học

7.2 Điểm đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, tiểu luận, thảo luận:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định bởi các loại điểm: điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 60%) và điểm quá trình (là điểm trung bình các điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy) (chiếm tỷ trọng 40%).

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ - tính hệ số 2:
- + Là điểm kiểm tra hết chương hoặc hết từng phần chính của học phần (thời gian làm

bài là 1 tiết), kiểm tra phần thực hành môn học, điểm tiểu luận

+ Số lần kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm kiểm tra thường xuyên - tính hệ số 1:

+ Là điểm kiểm tra hỏi đáp đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra từ 15 phút trở xuống, kiểm tra nhận thức và thái độ tham gia thảo luận của sinh viên trong giờ học.

+ Số lần kiểm tra thường xuyên: tối thiểu là 1. Ngoài ra, Khoa, tổ chuyên môn có thể quy định số lần kiểm tra tối thiểu cho từng học phần cụ thể.

- Điểm chuyên cần - có hệ số bằng số tín chỉ của học phần đó.

+ Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp, cụ thể như sau:

(Thời gian tham gia học tập trên lớp do giảng viên cập nhật hàng tuần, phần mềm tự tính):

* Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính: 10 điểm.

* Có nghỉ học; nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình được tính: 8 điểm.

* Nghỉ học từ 10% trở lên; dưới 20% số tiết trong chương trình được tính: 6 điểm.

* Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 35% số tiết trong chương trình được tính: 4 điểm.

* Nghỉ học từ 35% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính: 2 điểm.

* Nghỉ học từ 50% trở lên: 0 điểm

Ghi chú:

+ Sinh viên nghỉ học trên 50% số tiết trong chương trình sẽ bị cấm thi (cả kỳ thi chính và kỳ thi phụ), điểm thi được tính là 0 điểm.

+ Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

2) Đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn, thực tập:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) là điểm trung bình của các loại điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy.

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ: là điểm đánh giá các bài thực hành định kỳ trong quá trình giảng dạy, được tính hệ số 1.

Số điểm kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm chuyên cần:

+ Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp, cụ thể như sau:

(Thời gian tham gia học tập trên lớp do giảng viên cập nhật hàng tuần, phần mềm tự tính):

* Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính: 10 điểm.

- * Có nghỉ học; nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình được tính: 8 điểm.
- * Nghỉ học từ 10% trở lên; dưới 20% số tiết trong chương trình được tính: 6 điểm.
- * Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 35% số tiết trong chương trình được tính: 4 điểm.
- * Nghỉ học từ 35% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính: 2 điểm.
- * Nghỉ học từ 50% trở lên: 0 điểm

+ Điểm chuyên cần có hệ số 1.

Ghi chú:

Sinh viên nghỉ học trên 50% số tiết trong chương trình sẽ bị cấm thi (cả kỳ thi chính và kỳ thi phụ), điểm thi được tính là 0 điểm.

+ Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong Đề cương chi tiết của học phần.

8. Cấu trúc chương trình đào tạo

8.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá:

136 tín chỉ (Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
 - Phần lý thuyết 70 tín chỉ
 - Phần thực hành, thực tập, đồ án 19 tín chỉ
 - Khoá luận tốt nghiệp 09 tín chỉ

8.2 Nội dung chương trình

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, T ự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) (chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)					
	1.1. Lý luận chính trị		11		
001535	1. Triết học Mac-Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mac-Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. CNXH Khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		2		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		6		

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
001102	1.Xác suất thống kê	KHUD	3	(36, 18, 90)	x
001378	2.Toán ứng dụng trong kinh tế	KHUD	3	(36, 18, 90)	x
	1.4. Ngoại ngữ		16		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		3		
002370	1.Kỹ năng phát triển nghề nghiệp Logistics	TM	1	(15, 0, 30)	x
002129	2. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	KHCB	1	(15, 0, 30)	x
002151	3. Kỹ năng nhận thức bản thân	KHCB	1	(15, 0, 30)	x
	1.6. Giáo dục thể chất	GDTC	4		
000718	1.Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2.Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3.Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4.Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng	GDQP	8		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 0)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 0)	x
2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)					
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		25		
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc		18		
000564	1. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000681	3. Lý thuyết hạch toán kế toán	KT	3	(39, 12, 90)	x
001201	4. Quản trị học	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
002373	5. Luật thương mại	TM	3	(39, 12, 90)	x
001269	6. Nguyên lý thống kê và thống kê KD	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
001104	7. Marketing căn bản	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
	2.1.2. Kiến thức tự chọn (tự chọn 7 tín chỉ)		7		
	<i>Tự chọn 1</i>				
001109	8. Tài chính - tiền tệ	TCNH-BH	3	(39,12,90)	
001393	9. Thị trường chứng khoán	TCNH-BH	3	(39,12,90)	
001717	10. Kế toán doanh nghiệp	KT	3	(39,12,90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
	<i>Tự chọn 2</i>				
000519	11. Văn hóa kinh doanh	TM	2	(26, 8, 60)	x
002374	12. Quản lý tài chính trong DN	TM	2	(26, 8, 60)	
000488	13. Quản trị chất lượng	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	
	<i>Tự chọn 3</i>				
001024	14. Quản trị rủi ro	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	
002417	15. Kinh tế thương mại	TM	2	(26, 8, 60)	
000566	16. Lịch sử học thuyết kinh tế	TM	2	(26, 8, 60)	x
	2.2. Kiến thức chung của ngành		45		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		29		
	1. Quản trị chuỗi cung ứng	TM	3	(39,12,90)	x
001475	2. Logistics	TM	3	(39,12,90)	x
001288	3. Thương mại điện tử	TM	3	(39,12,90)	x
001390	4. Kỹ thuật dự báo thị trường	TM	3	(39,12,90)	x
001422	5. Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	TM	3	(39, 12, 90)	x
001423	6. Quản lý quan hệ khách hàng	TM	3		x
001349	7. Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	TM	2	(0,60,60)	x
002354	8. Quản trị kho	TM	3	(39, 12, 90)	x
001325	9. Giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	TM	3	(0,90,90)	x
001421	10. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh	TM	3	(39, 12, 90)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 6 trong các học phần)		16		
	<i>Tự chọn 1</i>				
001606	1. Cơ sở hạ tầng Logistics	TM	3	(26, 8, 60)	
002365	2. Tin học ứng dụng Logistics và chuỗi cung ứng	TM	3	(39, 12, 90)	x
	<i>Tự chọn 2</i>				
002418	3. Thực hành nghiệp vụ giao nhận vận tải hàng hóa quốc tế	TM	2	(0,60, 60)	x
002377	4. Vận tải đa phương thức	TM	2	(26, 8, 60)	
	<i>Tự chọn 3</i>				
002419	5. Phân tích báo cáo tài chính	Kế toán	3	(39, 12, 90)	
002366	6. Phân tích Kinh doanh	TM	3	(39, 12, 90)	x
	<i>Tự chọn 4</i>				
001333	7. Marketing thương mại	QT&MAR	3	(39,12,90)	x
001611	8. Marketing quốc tế	QT&MAR	3	(39,12,90)	

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
	<i>Tự chọn 5</i>				
002368	9. Thực hành phân tích báo cáo tài chính	TM	3	(0,90, 90)	
002367	10. Thực hành phân tích kinh doanh	TM	3	(0,90, 90)	
001341	11. Thực hành thương mại điện tử	TM	3	(0, 90, 90)	x
	<i>Tự chọn 6</i>				
002353	12. Thực hành quản lý kho hàng	TM	2	(0,60, 60)	x
002420	13. Thực hành Quản lý quan hệ khách hàng	TM	2	(0,60, 60)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành		28		
002369	1. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh	TM	2	(0,60,60)	x
002357	2. Quản trị thu mua	TM	3	(39,12,90)	x
002450	3. Thanh toán quốc tế - Logistic	TM	3	(39,12,90)	x
002061	4. Nghiệp vụ hải quan	TM	3	(39,12, 90)	x
001478	5. Thực hành nghiệp vụ kinh doanh XNK	TM	3	(0,90, 90)	x
002371	Thực tập cuối khóa ngành Logistic	TM	5	(0, 300, 0)	x
002372	Khóa luận tốt nghiệp ngành Logistic	TM	9	(0/540/0)	
002063	6. HPTT1: Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng Ngoại thương	TM	3	(39,12,90)	x
001289	7. HPTT2: Giao dịch đàm phán kinh doanh	TM	3	(39,12,90)	x
001602	8. HPTT3: Logistics trong thương mại điện tử	TM	3	(39,12,90)	x

8.3 Kế hoạch giảng dạy dự kiến

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
I		Học kỳ 1		16
1	001535	Triết học Mác-Lênin	Bắt buộc	3
2	002378	Toán ứng dụng trong kinh tế	Bắt buộc	3
3	000585	Pháp luật đại cương	Bắt buộc	2
4	000718	Giáo dục thể chất 1	Bắt buộc	1
5	001269	Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	Bắt buộc	2
6	000564	Kinh tế vi mô	Bắt buộc	2
7	001102	Xác suất thống kê	Bắt buộc	3
II		Học kỳ 2		20
8	001536	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Bắt buộc	2
9	001201	Quản trị học	Bắt buộc	3
10	001942	Tiếng Anh 1	Bắt buộc	4
11	000719	Giáo dục thể chất 2	Bắt buộc	1
12	002370	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp Logistics	Bổ trợ	1
13	000681	Lý thuyết hạch toán kế toán	Bắt buộc	3
14	001109	Lịch sử học thuyết kinh tế	Tự chọn	2
15	000565	Kinh tế vĩ mô	Bắt buộc	2
16	000519	Văn hóa kinh doanh	Tự chọn	2
III		Học kỳ 3		19
17	002365	Tin học ứng dụng Logistics và chuỗi cung ứng	Tự chọn	3
18	001104	Marketing căn bản	Bắt buộc	3
19	001943	Tiếng Anh 2	Bắt buộc	4
20	000568	Luật thương mại	Bắt buộc	3
21	000739	Giáo dục thể chất 3	Bắt buộc	1
22	00573	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bắt buộc	2
23	001253	Kế toán doanh nghiệp	Tự chọn	3
IV		Học kỳ 4		19
24	001537	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bắt buộc	2
25	001944	Tiếng Anh 3	Bắt buộc	4
26	000740	Giáo dục thể chất 4	Bắt buộc	1
27	001333	Marketing thương mại	Tự chọn	3
29	001370	Quản trị chuỗi cung ứng	Bắt buộc	3
30	001288	Thương mại điện tử	Bắt buộc	3
31	001325	Giao nhận vận tải hàng hóa quốc tế	Bắt buộc	3
V		Học kỳ 5		19
32	001422	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	Bắt buộc	3

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
	002151	Kỹ năng nhận thức bản thân	Bổ trợ	1
33	001945	Tiếng Anh 4	Bắt buộc	4
34	002200	Giáo dục quốc phòng - HP1	Bắt buộc	3
35	002201	Giáo dục quốc phòng - HP2	Bắt buộc	2
36	002202	Giáo dục quốc phòng - HP3	Bắt buộc	1
37	002203	Giáo dục quốc phòng - HP4	Bắt buộc	2
38	001390	Kỹ thuật dự báo thị trường	Bắt buộc	3
VI		Học kỳ 6		20
39	001423	Quản lý quan hệ khách hàng	Bắt buộc	3
40	002129	Kỹ năng Phỏng vấn xin việc	Bổ trợ	1
41	002366	Phân tích kinh doanh	Tự chọn	3
42	001349	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	Bắt buộc	2
43	001478	Thực hành nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	Bắt buộc	3
44	001421	Chiến lược và kế hoạch kinh doanh	Bắt buộc	3
45	002061	Nghiệp vụ hải quan	Bắt buộc	3
46	002418	Thực hành nghiệp vụ giao nhận vận tải hàng hóa quốc tế	Tự chọn	2
VII		Học kỳ 7		16
47	001538	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Bắt buộc	2
48	002369	Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh	Bắt buộc	2
49	002450	Thanh toán quốc tế - Logistic	Bắt buộc	3
50	002357	Quản trị thu mua	Bắt buộc	3
51	001475	Logistics	Bắt buộc	3
52	002354	Quản trị kho	Bắt buộc	3
VIII		Học kỳ 8		19
53	002353	Thực hành quản lý kho hàng	Tự chọn	2
54	001341	Thực hành thương mại điện tử	Tự chọn	3
55	002371	Thực tập cuối khóa	Bắt buộc	5
56	002372	Khóa luận tốt nghiệp		9
	002063	HPTT1: Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng Ngoại thương	TTKL	3
	001289	HPTT2: Giao dịch đàm phán kinh doanh	TTKL	3
	001602	HPTT3: Logistics trong thương mại điện tử	TTKL	3

9. Ma trận đóng góp của các học phần theo yêu cầu năng lực của chuẩn đầu ra

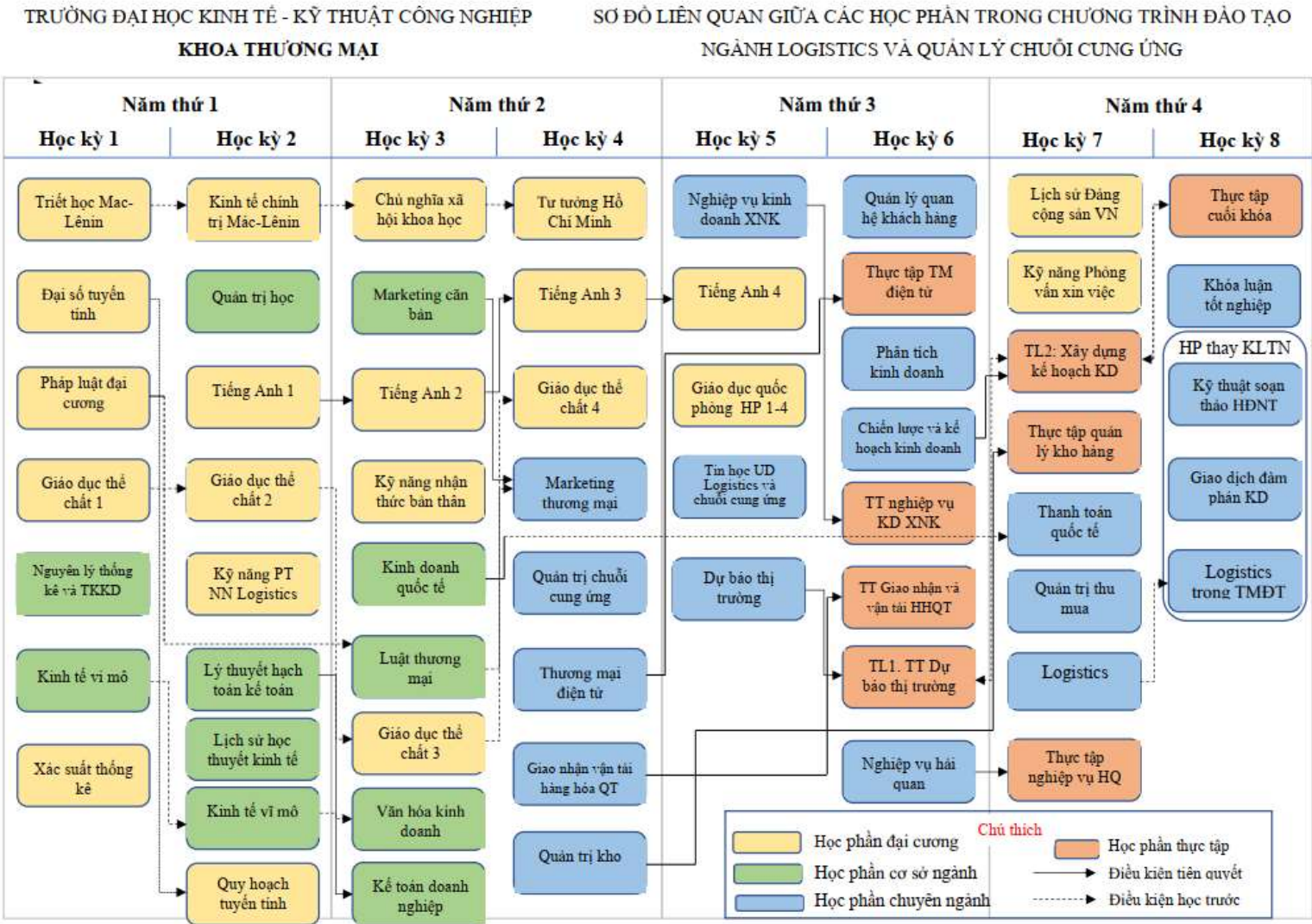
(Ma trận thể hiện tất cả các học phần theo dòng và các chuẩn đầu ra theo cột. Điểm MỨC ĐỘ yêu cầu của các học phần theo thang năng lực Bloom 2001: Kiến thức; Dave 1975: Kỹ năng; Krathwohl 1973: Năng lực tự chủ & trách nhiệm)

TT	CDR	Kiến thức (thang Bloom) (1-6)											Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)						Năng lực tự chủ và trách nhiệm (Krathwohl 1973) 1-5			
	Mã HP	1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.1.4	1.1.5	1.2.1	1.3.1	1.4.1	1.4.2	1.4.3	1.4.4	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.3	3.2.1
1	Triết học Mác-Lênin	2	3														2			3		
2	KTCT Mác-Lênin	2	3														2			3		
3	CNXH khoa học	2	3														2			3		
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3														2			3		
5	Lịch sử Đảng Công sản VN	2	3														2			3		
6	Pháp luật đại cương	2	3														2			3		
7	Toán ứng dụng trong kinh tế																					
8	Xác suất thống kê		3																			
9	Tiếng Anh 1				3													2	2	3		2
10	Tiếng Anh 2				3													2			2	
11	Tiếng Anh 3				3													2		2		
12	Tiếng Anh 4				3													2	2		3	
13	Lịch sử học thuyết kinh tế						3		3					2					2			2
14	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp Logistics		2											3		3	3	2	2	2		3
15	Kỹ năng phỏng vấn xin việc		2											3		3	3		2	2		3
16	Kỹ năng nhận thức bản thân		2											3		3	3		2	2	3	
17	Giáo dục thể chất 1			3														2	2	3		2
18	Giáo dục thể chất 2			3														2	2	3		2
19	Giáo dục thể chất 3			3														2	2	3		2
20	Giáo dục thể chất 4			3														2	2	3		2
21	Giáo dục quốc phòng			4														2	2	3	3	3

TT	CĐR	Kiến thức (thang Bloom) (1-6)												Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)					Năng lực tự chủ và trách nhiệm (Krathwohl 1973) 1-5			
	Mã HP	1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.1.4	1.1.5	1.2.1	1.3.1	1.4.1	1.4.2	1.4.3	1.4.4	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.3	3.2.1
22	Kinh tế vi mô						3											2	2		2	
23	Kinh tế vĩ mô						3											2		2		3
24	Lý thuyết hạch toán kế toán						3											2	2		3	3
25	Quản trị học						3								2	3			2		2	2
26	Luật thương mại							3					2	3	2			3	3		2	
27	Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh						3		2	2							2	2	2	2		
28	Văn hóa kinh doanh						2						2	3					2	2		3
29	Marketing căn bản						3	3	3				3	3		2			2			2
30	Kế toán doanh nghiệp							2	2				2				2			2	3	3
31	Marketing thương mại						3		3		2							3		2	2	3
32	Quản trị chuỗi cung ứng					3							2		2					2	2	
33	Logistics						3			2			2			3			3	2		
34	Thương mại điện tử					3							2			3		3	3			2
35	Kỹ thuật dự báo thị trường					3											3	3		3	3	
36	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu						3			3				2			2		2	3	3	
37	Quản lý quan hệ khách hàng									3				3		3			3	3	3	
38	Tin học ứng dụng ngành Logistics và chuỗi cung ứng					3				3				2		2			2	3		3
39	Tiểu luận 1_Nghiên cứu và dự báo thị trường						2		3				2				3		2	3	3	
40	Quản trị kho					3				3			3			2				3	3	3
41	Thực hành nghiệp vụ					3						3		2			3			3	3	3

TT	CĐR	Kiến thức (thang Bloom) (1-6)												Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)						Năng lực tự chủ và trách nhiệm (Krathwohl 1973) 1-5			
	Mã HP	1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.1.4	1.1.5	1.2.1	1.3.1	1.4.1	1.4.2	1.4.3	1.4.4	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.3	3.2.1	
	KDXNK																						
42	Giao nhận và vận tải QT					3							2			3			2	3			
43	Thực hành TMĐT					3						3	2			3				3	3		
44	Chiến lược và kế hoạch KD						3	3		3							2	3	2			3	
45	Thực hành quản lý kho hàng					3						2					2			2		3	
46	Thực hành giao nhận vận tải quốc tế					3						2				3	2			3		3	
47	Phân tích kinh doanh							3					3	3			2	3	3			3	
48	Tiểu luận 2_Xây dựng kế hoạch KD trong DNTM					3	3				3	2		3	3				2		2		
49	Quản trị thu mua						3	2	3	3			3	3	2		2		2			3	
50	Thanh toán quốc tế											2	3						2	3	3		
51	Nghiệp vụ hải quan					3						3	3						3	3	3		
52	Thực tập cuối khóa						2	3	3	3	3	3	2	3	3					3		3	
53	Khóa luận tốt nghiệp						3	3	2	3	3	3	3	2	2					3		3	
54	Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng ngoại thương						3			3		2	2								2	3	
55	Giao dịch và đàm phán kinh doanh							3						3	2				2	3			
56	Logistics trong TMĐT								3		3		2						3	3	2		

10. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo



11. Mô tả tóm tắt học phần

Kiến thức giáo dục đại cương (38 TC) (Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))

1. Triết học Mác-Lênin

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (33, 24, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Triết học Mác - Lênin là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy đầu tiên trong những môn thuộc hệ thống các môn khoa học Mác - Lênin, như môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam. Học phần từng bước trang bị cho sinh viên thiết lập được thế giới quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành cần đào tạo. Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn nhằm giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra

2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (21, 18, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Triết học Mác - Lênin

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin thuộc Bộ môn Nguyên lý chủ nghĩa Mác- Lênin, được xây dựng theo chương trình lý luận chính trị mới của Bộ Giáo dục & Đào tạo năm 2019, nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức của kinh tế chính trị Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (21, 18, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Triết học Mác - Lênin; KTCT Mác - Lênin

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học nghiên cứu về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (21, 18, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Triết học Mác-Lênin; KTCT Mác-Lênin, CNXH KH

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Cung cấp cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (21, 18, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Triết học Mác-Lênin; KTCT Mác-Lênin, CNXH KH, Tư tưởng Hồ Chí Minh

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930) và quá trình lãnh đạo cách mạng từ 1930 đến nay, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc đổi mới. Được thể hiện ở các nội dung: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

6. Pháp luật đại cương

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (26,8,60)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo sinh viên đại học. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng và các kiểu nhà nước, pháp luật. Đồng thời, học phần cũng giúp người học tìm hiểu, nghiên cứu kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân, bộ máy nhà nước Việt Nam, quyền sở hữu, quyền thừa kế, hợp đồng, vi phạm pháp luật hành chính, tội phạm, và quy định pháp luật về phòng chống tham nhũng. Từ đó, người học có thể hiểu và vận dụng được kiến thức lý luận cũng như một số quy định pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.

7. Toán ứng dụng trong kinh tế

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (36, 18, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Toán cho các nhà kinh tế là học phần đại cương của chương trình đào tạo bậc đại học khối ngành kinh tế, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về phép tính vi phân hàm 1 biến; nhiều biến và các ứng dụng trong kinh tế; kiến thức đại số tuyến tính như ứng dụng ma trận, hệ phương trình tuyến tính trong các bài toán kinh tế. Kiến thức về ứng dụng bài toán quy hoạch tuyến tính trong lập các mô hình kinh tế.

8. Xác suất thống kê

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (36, 18, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Xác suất thống kê là học phần cơ sở của chương trình đào tạo đại học các ngành Kỹ thuật và Kinh tế. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê gồm: lý thuyết xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu và các bài toán cơ bản của thống kê như ước lượng, kiểm định giả thiết, hồi quy và tương quan.

9. Tiếng Anh 1

Số TC: 4

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48,24,120)

- *Học phần tiên quyết*: Điểm TOEIC đầu vào ≥ 200

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam). Học phần tiếng Anh 1 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp. Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực. Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn. Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài.

10. Tiếng Anh 2

Số TC: 4

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48,24,120)

- *Học phần tiên quyết*: Điểm TOEIC đầu vào ≥ 275

- *Học phần học trước*: Tiếng Anh 1

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Học phần tiếng Anh 2 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp.

Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực.

Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn.

Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài..

11. Tiếng Anh 3

Số TC: 4

- *Phân bố thời gian học tập:* 4 (48,24,120)

- *Học phần tiên quyết:* Tiếng Anh 1/ Điểm TOEIC đầu vào ≥ 350

- *Học phần học trước:* Tiếng Anh 1,2.

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Học phần tiếng Anh 3 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp.

Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực.

Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn.

Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài..

12. Tiếng Anh 4

Số TC: 4

- *Phân bố thời gian học tập:* 4 (48,24,120)

- *Học phần tiên quyết:* Tiếng Anh 2/ Điểm TOEIC đầu vào ≥ 425

- *Học phần học trước:* Tiếng Anh 1,2,3.

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần tiếng Anh 4 là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nâng cao, giúp sinh viên phát triển khả năng tư duy theo các chủ đề, khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, tạo nền tảng cho việc phát triển nghề nghiệp tương lai.

Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Học phần tiếng Anh 4 giúp người học phát triển các khối kiến thức nâng cao về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp.

Mô hình bài học thực tế giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp như thuyết trình, hội họp, đàm phán, điện thoại và giao tiếp xã hội. Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên tư duy và giải quyết vấn đề một cách chủ động.

Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Ngữ pháp tổng hợp của từng bài.

13. Kỹ năng phát triển nghề nghiệp Logistics

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập:* 1 (15, 0, 30)
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Không
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kỹ năng phát triển nghề nghiệp Logistics là học phần kiến thức đại cương của chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về phát triển kỹ năng nghề logistics như các kỹ năng về tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm; kỹ năng tổ chức, quản lý thời gian và lập kế hoạch. Học phần giúp sinh viên có thể giải quyết được những tình huống công việc khác nhau trong các loại hình doanh nghiệp và môi trường làm việc khác nhau (các công ty, tập đoàn, các tổ chức xã hội, các tổ chức cộng đồng...).

14. Kỹ năng phỏng vấn xin việc

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập:* 1 (15, 0, 30)
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Không
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kỹ năng phỏng vấn và xin việc là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Logistic. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức của kỹ năng phỏng vấn và tìm việc hiệu quả như: (Khái niệm, tầm quan trọng, nguyên nhân, qui trình, nguyên tắc, yêu cầu, kỹ thuật viết CV, kỹ thuật trả lời câu hỏi, các dạng câu hỏi trong phỏng vấn) và các kỹ năng cơ bản gồm kỹ năng chuẩn bị hồ sơ và viết CV; Kỹ năng chuẩn bị cho bản thân khi phỏng vấn; kỹ năng trả lời câu hỏi hiệu quả; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng giải quyết mâu thuẫn; kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng tự học, kỹ năng nghiên cứu vấn đề.

15. Kỹ năng nhận thức bản thân

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập:* 1 (15, 0, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kỹ năng nhận thức bản thân là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Học phần giúp cho sinh viên có sự hiểu biết chính xác về bản thân, bao gồm ưu điểm và khuyết điểm, tư duy, cảm xúc và những động lực thúc đẩy bản thân trong cuộc sống. Kỹ năng này giải thích những thành công cũng như những thất bại của chúng ta, cho chúng ta biết chúng ta là ai và chúng ta cần gì từ đồng đội của mình để tạo nên một tập thể đoàn kết. Kỹ năng nhận thức bản thân sẽ giúp chúng ta nâng cao khả năng tự nhận thức của bản thân đối với công việc và cuộc sống cá nhân.

16. Giáo dục thể chất 1 (điền kinh 1)

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập*: 1 (0, 30, 30)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1) nằm trong phần môn học GDTC cơ bản. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Lịch sử hình thành và phát triển môn điền kinh, thể dục cơ bản; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý chấn thương trong thể thao. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện nội dung chạy ngắn. Kỹ năng vận động môn chạy ngắn (100m), thể dục tay không 45 động tác, bài tập bổ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy ngắn, phát triển thể lực; phát triển thể lực chung và chuyên môn chạy ngắn.

17. Giáo dục thể chất 2 (điền kinh 2)

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập*: 1 (0, 30, 30)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Giáo dục thể chất 1 (điền kinh 1)
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần giáo dục thể chất 2 (điền kinh 2) nằm trong phần môn học GDTC cơ bản. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Hiểu biết về tầm quan trọng của chạy bền đối với sức khỏe con người; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý những phản ứng sinh lý xấu khi tập luyện chạy bền. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện chạy cự ly trung bình (800m-nữ, 1500m- nam). Kỹ năng vận động chạy cự ly trung bình, thể dục tay không 40 động tác, bài tập bổ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy cự ly trung bình, phát triển thể lực; phát triển thể lực chung.

18. Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 1)

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập*: 1 (0, 30, 30)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 2)
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần giáo dục thể chất 3 (cầu lông 1) nằm trong phần tự chọn của môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Biết lợi ích tác dụng của tập luyện cầu lông, một số điều luật thi đấu cầu lông. Phương pháp, nguyên

tắc tập luyện kỹ thuật cầu lông. Kỹ năng kỹ thuật đánh cầu bên phải, trái thấp tay, phát cầu trái tay, phát cầu thuận tay. Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn trong tập luyện cầu lông. Học phần này là tiền đề để giảng dạy và học tập học phần giáo dục thể chất 4 (cầu lông 2).

19. Giáo dục thể chất 4 (Cầu lông 2)

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập*: 1 (0, 30, 30)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 1)
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần giáo dục thể chất 4 (cầu lông 2) nằm trong phần tự chọn của môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Biết một số điều luật thi đấu cầu lông; chiến thuật đánh đơn, đôi trong thi đấu cầu lông; cách thức tổ chức thi đấu và trọng tài cầu lông. Kỹ năng kỹ thuật đập cầu chính diện, phong cầu. Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn trong tập luyện cầu lông.

20. Giáo dục quốc phòng - HP1

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (37, 8, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc, thuộc phần kiến thức chung nhằm trang bị những hiểu biết cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quốc phòng và an ninh; truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân, có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự, kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ tổ quốc.

21. Giáo dục quốc phòng – HP2

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (22, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: HP1
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường, an toàn giao thông, xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác, vi phạm pháp luật trên không gian mạng và an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

22. Giáo dục quốc phòng – HP3

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập*: 1 (14,16,30)
- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: HP1 và HP2

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần 3. Quân sự chung gồm các nội dung: Các chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Hiểu biết các quân, binh chủng trong quân đội; Điều lệnh đội ngũ từng người có súng; Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự; Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao và Ba môn quân sự phối hợp.

23. Giáo dục quốc phòng – HP4

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (4, 56, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: HP1, HP2, HP3

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho sinh viên một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng tiểu liên AK và luyện tập bắn súng AK bài 1b; luyện tập ném lựu đạn bài 1; huấn luyện những động tác cơ bản chiến thuật chiến đấu bộ binh: các tư thế vận động trên chiến trường, cách quan sát phát hiện mục tiêu, lợi dụng địa hình, địa vật, hành động của cá nhân trong công sự, ngoài công sự trong chiến đấu tiến công và phòng ngự. Nội dung bao gồm: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; ném lựu đạn bài 1; từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự.

Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)

1. Kinh tế vi mô

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (26,8,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Đại số tuyến tính

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kinh tế vi mô là học phần cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị những kiến thức về kinh tế thị trường như cung - cầu hàng hóa; Lý thuyết về người tiêu dùng; Lý thuyết hành vi doanh nghiệp; Cạnh tranh và độc quyền; Thị trường các yếu tố sản xuất; Hạn chế của kinh tế thị trường và sự can thiệp của chính phủ.

2. Kinh tế vĩ mô

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Kinh tế vi mô

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kinh tế vĩ mô là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở của chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý thuyết và các phương pháp phân tích sự vận động của nền kinh tế tổng thể, bao gồm: những nguyên lý chung của kinh tế học; nghiên cứu các hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể; cách xác định những biến số kinh tế vĩ mô chủ yếu; phân tích sự biến động của nền kinh tế và các kiến thức ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô.

3. Lý thuyết hạch toán kế toán

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Lý thuyết hạch toán kế toán là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học khối ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò, yêu cầu, nhiệm vụ, nguyên tắc, đối tượng của kế toán. Đồng thời, học phần cũng nêu lên các phương pháp kế toán cơ bản như: Phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối và vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình hạch toán kế toán các hoạt động chủ yếu trong doanh nghiệp.

4. Quản trị học

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Quản trị học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị, nhà quản trị, các kỹ năng quản trị, văn hóa tổ chức và môi trường quản trị, sự phát triển của các lý thuyết quản trị, các chức năng quản trị (hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra), và một số vấn đề của quản trị học hiện đại như thông tin và ra quyết định quản trị, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và quản trị sự thay đổi trong quá trình hoạt động của một tổ chức.

5. Luật Thương Mại

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Pháp luật đại cương
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Cung cấp các kiến thức Pháp luật về Địa vị pháp lý của các Doanh nghiệp, về Giải thể, phá sản Doanh nghiệp và hợp đồng thương mại, Pháp luật dịch vụ trung gian, về xúc tiến thương mại của thương nhân. Cùng với đó là các kiến thức về logistics, về nhượng quyền thương mại và pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại...

6. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh nghiên cứu mặt lượng trong mối quan hệ với mặt chất của các hiện tượng kinh tế - tài chính phát sinh trong doanh nghiệp, bao gồm: các yếu tố của quá trình sản xuất kinh doanh, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua các chỉ tiêu, các phương pháp tính toán phù hợp nhằm phục vụ trực tiếp cho quá trình quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như của toàn ngành kinh tế.

7. Marketing căn bản

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Marketing căn bản là học phần thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nguyên lý Marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh, bao gồm: Tổng quan về Marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing, các yếu tố môi trường tác động hoạt động marketing của doanh nghiệp, các yếu tố tác động đến hành vi tiêu dùng của khách hàng và cách ứng xử của doanh nghiệp trong việc xác định thị trường mục tiêu, định vị sản phẩm trên thị trường và đưa ra các quyết định marketing hỗn hợp nhằm phục vụ thị trường hiệu quả.

8. Tài chính tiền tệ

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần tài chính tiền tệ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và tổng quát về Tài chính và tiền tệ; mối liên hệ tương quan trực tiếp giữa các khâu trong hệ thống tài chính bao gồm: Ngân sách nhà nước, tài chính doanh nghiệp, bảo hiểm, tín dụng và tài chính hộ gia đình và thông qua thị trường tài chính

9. Thị trường chứng khoán

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Tài chính tiền tệ

- *Học phần học trước:* Tài chính doanh nghiệp

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Thị trường chứng khoán trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán, cơ chế tổ chức hoạt động và giao dịch của thị trường chứng khoán, sở giao dịch chứng khoán, nghiệp vụ phát hành chứng khoán, hoạt động của công ty chứng khoán. Học phần cung cấp cho sinh viên kỹ năng phân tích trên thị trường chứng khoán, phân tích và quản lý danh mục đầu tư và thủ tục thực hiện. Vận dụng kiến thức đã học vào công việc kinh doanh một cách có hiệu quả.

10. Kế toán doanh nghiệp

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Lý thuyết hạch toán kế toán

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kế toán doanh nghiệp là học phần kế toán của chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần này được bố trí thực hiện sau học phần Lý thuyết hạch toán kế toán và các học phần kiến thức cơ sở. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán nguyên vật liệu và công cụ

dụng cụ, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ, và báo cáo tài chính.

11. Văn hóa kinh doanh

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Văn hoá kinh doanh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hóa và văn hóa kinh doanh, các yếu tố cấu thành nên văn hóa và văn hóa kinh doanh như : triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hoá doanh nhân và văn hoá trong các hoạt động của doanh nghiệp, cách thức và kỹ năng xây dựng và phát triển văn hóa cho doanh nghiệp.

12. Quản lý tài chính trong doanh nghiệp

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Quản trị học, Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Quản lý tài chính trong DN Logistics là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần được bố trí giảng dạy sau môn học Quản trị học và Kinh tế học, kinh tế thương mại. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: mức tiền mặt và tồn kho tối ưu, giá trị theo thời gian của dòng tiền, phân tích thông tin về tài chính để kiểm soát, các chính sách tín dụng bán hàng, khai thác các nguồn tài trợ hiệu quả nhất từ đó có thể dự báo và lên kế hoạch tài chính cho tương lai.

13. Quản trị chất lượng

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chất lượng sản phẩm/dịch vụ, quản trị chất lượng và hệ thống quản trị chất lượng trong doanh nghiệp, kiểm soát quá trình quản trị chất lượng trong doanh nghiệp, trình bày các nguyên tắc và phân tích quá trình ra quyết định cho một hệ thống quản trị chất lượng tối ưu

14. Quản trị rủi ro

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Quản trị rủi ro là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị cho người học những vấn đề lý luận cơ bản về rủi ro và quản lý rủi

ro trong các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, các nội dung và phương pháp chủ yếu về nhận dạng, phân tích, đo lường và các vấn đề thiết yếu về kiểm soát và tài trợ rủi ro. Vận dụng quản trị rủi ro trong quản trị rủi ro dự án; quản trị rủi ro tài trợ và quản lý một số loại hình rủi ro khác.

15. Kinh tế thương mại

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kinh tế Thương mại là học phần Kinh tế ngành của chương trình đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị cho người học nắm được các kiến thức về Kinh tế Thương mại. Hiểu được chức năng và những tác động của Thương mại. Nắm được bản chất của các hình thức thương mại hiện nay, cũng như tác động của hoạt động Thương mại đối với quá trình phát triển kinh tế. Đánh giá được vai trò và ảnh hưởng của hội nhập quốc tế về thương mại

16. Lịch sử các học thuyết kinh tế

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Không
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Lịch sử các học thuyết kinh tế là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại, Logistic. Học phần trang bị cho người học những kiến thức về các học thuyết kinh tế cơ bản thời kỳ cổ đại và trung cổ, các học thuyết kinh tế thời kỳ cuối thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XIX, học thuyết kinh tế Marx – Lenin, các học thuyết kinh tế hiện đại từ cuối thế kỷ XIX đến nay.

17. Quản trị chuỗi cung ứng

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Quản trị học, Marketing căn bản, Kỹ thuật dự báo thị trường
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị chuỗi cung ứng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chuỗi cung ứng; các thành phần của chuỗi cung ứng và những đóng góp của các thành phần này vào hoạt động chung của chuỗi cung ứng; những chỉ số đo lường hiệu quả hoạt động của một chuỗi cung ứng, ý nghĩa của công nghệ thông tin trong hoạt động của chuỗi, từ đó người học có thể hiểu quản trị chuỗi cung ứng như một nghề chuyên môn và có vai trò rất quan trọng để nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong giai đoạn phát triển kinh tế và xu thế hội nhập quốc tế trên thế giới hiện nay. Học phần tập trung nghiên cứu sâu về các thành phần của chuỗi cung ứng bao gồm hoạch định, cung ứng và thu mua, sản xuất và phân phối; logistics

và vai trò của logistics trong chuỗi cung ứng; các nhóm chỉ số đo lường hiệu quả chuỗi cung ứng.

18. Logistics

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Kinh tế thương mại, Quản trị chuỗi cung ứng

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Logistics là học phần kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về logistics và các hoạt động logistics. Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho người học những kiến thức cần thiết nhất để xây dựng các mục tiêu, lập kế hoạch, triển khai và kiểm soát các hoạt động logistics một cách hệ thống tại các doanh nghiệp, đồng thời giúp cho các nhà quản trị tại các doanh nghiệp có thể ứng dụng linh hoạt các hoạt động này trong điều kiện môi trường kinh doanh trong thời kỳ hội nhập hiện nay.

19. Thương mại điện tử

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Tin ứng dụng trong kinh doanh thương mại

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thương mại điện tử trang bị các kiến thức cơ bản về các khái niệm, các mô hình kinh doanh TMĐT, phân tích khách hàng trên mạng, E-marketing và E-payment, nghiên cứu thị trường thương mại điện tử, cơ sở pháp lý để phát triển TMĐT và một số vấn đề kỹ thuật trong TMĐT. Học phần cũng giới thiệu một số nội dung về công nghệ được sử dụng trong thương mại điện tử như: tối ưu hóa các website thương mại điện tử, quảng bá website thương mại điện tử...

20. Kỹ thuật dự báo thị trường

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh, Marketing

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Dự báo thị trường là môn học chuyên ngành của ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về dự báo: Những nguyên tắc trong dự báo, quy trình thực hiện dự báo, phương pháp và các mô hình dùng trong dự báo.

21. Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Kinh tế thương mại

- *Học phần học trước:* Luật Thương mại, Giao dịch và đàm phán KD, Tin ứng dụng trong KDTM

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu là học phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học, chuyên ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nghiệp vụ:

giao dịch, đàm phán, kết hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu và các quy trình thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu.

22. Quản lý quan hệ khách hàng

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Marketing căn bản
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học nghiên cứu tổng thể về quản trị quan hệ khách hàng (CRM) gồm chiến lược, những đo lường marketing, tổ chức, sử dụng cơ sở dữ liệu khách hàng... Qua việc phối hợp lý thuyết và thực hành, môn học giúp sinh viên trả lời được các câu hỏi như: Thế nào là CRM? CRM giúp ta đạt được gì và đạt được như thế nào? Cách thức thực hiện chiến lược CRM trong tổ chức?

23. Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Kinh tế lượng, Nguyên lý thống kê, Marketing căn bản
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tiểu luận 1: Dự báo thị trường là học phần phát triển kỹ năng chuyên môn bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về nghiên cứu và dự báo thị trường, giúp cho sinh viên thực hành xây dựng kế hoạch nghiên cứu, thu thập và xử lý dữ liệu, phân tích số liệu, ứng dụng số liệu phân tích vào dự báo nhu cầu thị trường và trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu. Từ kết quả nghiên cứu được trong các tình huống điển hình trong thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, sẽ làm cơ sở cho việc ra các quyết định chiến lược tiếp theo của doanh nghiệp.

24. Quản trị kho

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Không
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học nhằm trang bị kiến thức và những nghiệp vụ cần thiết để công việc quản lý hệ thống kho/bãi chứa hàng hóa trong chuỗi cung ứng và logistics được thực hiện một cách hiệu quả nhất. Nội dung môn học bao gồm hoạt động và chức năng trong tổng thể hoạt động trong chuỗi cung ứng. Phân tích tìm hiểu cơ sở hạ tầng của nhà kho, bãi chứa bao gồm hệ thống kệ chứa và các phương tiện vận chuyển hàng hóa trong kho/bãi cũng như các phương tiện để nhận diện như Bar Code hay RFID. Phân hoạt động vận hành của kho/bãi được nghiên cứu các qui trình nhập hàng và cách sắp xếp hàng trong kho/bãi, qui trình lấy hàng và các phương pháp xác lập đường đi hợp lý. Việc bảo quản hàng hóa sẽ xem xét việc phòng cháy, phòng trộm, hạn chế sự suy giảm chất lượng. Việc đánh giá tổng thể hoạt động quản lý kho bãi được xác định qua một bộ các chỉ tiêu cụ thể.

25. Giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu
- *Học phần học trước*: Tiếng Anh cơ bản 1,2,3,4; Thực hành tiếng Anh giao tiếp; Luật Thương mại; Quản trị chuỗi cung ứng; Nghiệp vụ kinh doanh XNK
- *Tóm tắt nội dung học phần*: “Giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế” là học phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần cung cấp những kiến thức khái quát về các phương thức giao nhận, vận chuyển hàng hóa quốc tế, các chứng từ trong vận tải quốc tế bằng các hình thức vận tải phổ biến như đường biển, đường không, đường bộ và đường sắt.

26. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Quản trị học, Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô
- *Học phần học trước*: Marketing căn bản
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Chiến lược và kế hoạch kinh doanh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình quản trị chiến lược bao gồm: hoạch định chiến lược; tổ chức triển khai thực hiện chiến lược và các kế hoạch hỗ trợ thực hiện chiến lược (kế hoạch mua sắm và dự trữ, kế hoạch khoa học- công nghệ, kế hoạch lao động, kế hoạch chi phí, kế hoạch vốn); đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh chiến lược của doanh nghiệp trong những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn lực xác định của doanh nghiệp.

27. Cơ sở hạ tầng Logistics

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Cơ sở hạ tầng Logistics là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và toàn về cơ sở hạ tầng Logistics như hệ thống giao thông vận tải, kho bãi và hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông. Đây là những nhân tố nền tảng, tạo cơ sở hoạt động và tác động trực tiếp đến hệ thống dịch vụ Logistics ngay từ thời kỳ đầu của quá trình phát triển.

28. Tin ứng dụng ngành Logistis và chuỗi cung ứng

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Tin ứng dụng trong Logistis và chuỗi cung ứng là học phần chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Logistis và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các kiểu dữ liệu và nhóm hàm thông dụng trên bảng tính; Quản lý cơ sở dữ liệu trong chuỗi cung ứng; Tồn kho và

ứng dụng bảng tính trong công tác tồn kho; tối ưu hóa nguồn tài nguyên bằng phần mềm bảng tính; trực quan hóa dữ liệu bằng biểu đồ và đồ thị.

29. Thực hành giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (0,60,60)
- *Học phần tiên quyết:* Giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế
- *Học phần học trước:* Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu
- *Tóm tắt nội dung học phần:* “Thực hành Giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế” là

học phần thực hành chung của chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần được xây dựng nhằm giúp sinh viên có khả năng thực tế trong việc thực hiện các nghiệp vụ vận tải và giao nhận hàng hóa quốc tế.

30. Vận tải đa phương thức

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Không
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Sinh viên được trang bị kiến thức về chức năng, nguyên

tác và các đối tượng tham gia hệ thống vận tải; đặc điểm phương thức vận tải hàng hóa: Đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường ống, đường không, phân loại theo mô hình, kiến thức về các loại chứng từ vận tải phù hợp với quá trình vận tải, thiết kế mạng lưới vận tải phù hợp nhu cầu khách hàng và vai trò của việc áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động vận tải. Sinh viên hình thành kỹ năng lựa chọn loại hình vận tải phù hợp, thực hiện việc quản lý hoạt động vận tải; cung cấp dịch vụ vận tải theo các phương thức truyền thống, dịch vụ đóng gói, vận chuyển đa phương tiện, và qua các tổ chức trung gian, kỹ năng lựa chọn và sử dụng các loại chứng từ vận tải phù hợp, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý vận tải. Sau khi học xong, sinh viên nhận thức được tầm quan trọng, điểm mạnh, điểm yếu của các phương thức vận tải.

31. Phân tích báo cáo tài chính

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Không
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Phân tích báo cáo tài chính là học phần bắt buộc thuộc

khối kiến thức tự chọn của ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác phân tích báo cáo tài chính bao gồm: phân tích cấu trúc tài chính, phân tích khả năng thanh toán, phân tích hiệu quả kinh doanh, phân tích các chủ đề đặc biệt liên quan đến thị trường chứng khoán, rủi ro tài chính và phát hiện khủng hoảng tài chính và phá sản của các doanh nghiệp.

32. Phân tích kinh doanh

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh, giúp sinh viên hiểu và đánh giá đúng tình hình doanh thu tiêu thụ sản phẩm; nắm được tình hình mua hàng của các doanh nghiệp; phân tích được các khoản chi phí; tình hình kết quả kinh doanh; hiểu được ý nghĩa của các số liệu trên các báo cáo tài chính từ đó đánh giá được tình hình biến động cũng như kết cấu vốn, nguồn vốn, khả năng sinh lời, tình hình lưu chuyển vốn và khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

33. Thực hành Phân tích báo cáo tài chính

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (0, 90, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Phân tích báo cáo tài chính

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Thực hành: phân tích báo cáo tài chính cung cấp cho học viên những nội dung cơ bản liên quan đến phân tích báo cáo tài chính cũng như nội dung và phương pháp phân tích cấu trúc tài chính, phân tích khả năng thanh toán và phân tích hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho học viên kiến thức để phân tích báo cáo tài chính dưới góc độ nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán, phân tích phát hiện dấu hiệu rủi ro, khủng hoảng tài chính, phá sản của doanh nghiệp.

34. Thực hành Phân tích kinh doanh

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (0, 90, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Phân tích kinh doanh

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh, giúp cho sinh viên thực hành xây dựng, phân tích và giải quyết các tình huống điển hình trong thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, làm cơ sở cho việc ra các quyết định kinh doanh.

35. Thực hành Quản lý quan hệ khách hàng

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (0, 90, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Marketing căn bản

- *Học phần học trước*: Quản lý quan hệ khách hàng

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Thực hành quản lý quan hệ khách hàng là học phần phát triển kỹ năng chuyên môn bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị những kỹ năng quản lý quan hệ khách hàng chuyên nghiệp: xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu khách hàng, xây dựng quy trình chăm sóc khách hàng, kỹ năng nhận diện và tương tác với khách hàng, kỹ năng giải quyết xung đột với khách hàng.

36. Marketing thương mại

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Marketing căn bản

- *Học phần học trước*: Marketing căn bản

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Marketing thương mại là một môn học thuộc khoa học kinh tế. Môn học marketing thương mại có liên quan nhiều tới các môn học kinh tế, kinh doanh khác. Marketing thương mại giới thiệu các kiến thức, phương pháp, kinh nghiệm và nghệ thuật trong lĩnh vực quản trị và công nghệ kinh doanh ở các loại hình doanh nghiệp thương mại. Do đó, môn học Marketing thương mại là một trong các môn học có vai trò to lớn trong quản lý kinh tế, đặc biệt là quản lý kinh tế vi mô. Marketing thương mại được coi là môn học cơ bản của quản lý kinh tế vi mô và là môn học hạt nhân của khoa học kinh doanh thương mại.

37. Marketing quốc tế

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết:* Marketing căn bản
- *Học phần học trước:* Marketing căn bản
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về hoạt động marketing ứng dụng trong môi trường kinh doanh quốc tế, cung cấp cho sinh viên các công cụ cần thiết để xây dựng một chương trình marketing quốc tế hiệu quả bao gồm: (i) phân tích, đánh giá và lựa chọn thị trường; (ii) xác định phương thức thích hợp và xác lập các chính sách marketing trên thị trường quốc tế, (iii) Tổ chức triển khai các hoạt động marketing quốc tế

38. Thực hành thương mại điện tử

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết:* Tin ứng dụng trong kinh doanh thương mại
- *Học phần học trước:* Thương mại điện tử
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực hành các kiến thức đã học ở học phần lý thuyết “Thương mại điện tử”. Trên cơ sở lựa chọn được một sản phẩm từ đó có thể thiết kế một trang website bán hàng đơn giản, lựa chọn được nội dung bài viết cho sản phẩm để tối ưu hóa công cụ tìm kiếm; Sử dụng được các công cụ để khảo sát thị trường thông qua các công cụ trực tuyến và phân tích đối thủ cạnh tranh. Ngoài ra giúp sinh viên nắm rõ các tính năng của một số phần mềm tích hợp vào hoạt động thương mại điện tử.

39. Thực hành Quản lý kho hàng

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (0, 90, 90)
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Phân tích báo cáo tài chính
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực hành quản trị kho cho học viên những nội dung cơ bản liên quan đến hoạt động và chức năng kho trong tổng thể hoạt động trong chuỗi cung ứng. Tìm hiểu cơ sở hạ tầng của nhà kho, bãi chứa bao gồm hệ thống kệ chứa và các phương tiện vận chuyển hàng hóa trong kho/bãi cũng như các phương tiện để nhận diện như Bar Code hay RFID. Tiếp cận với hệ thống vận hành của kho/bãi, nghiên cứu các qui trình nhập hàng và cách sắp xếp hàng trong kho/bãi, qui trình lấy hàng và các phương pháp xác lập đường đi hợp lý. Việc bảo quản hàng hóa sẽ xem xét việc phòng cháy, phòng trộm, hạn

chế sự suy giảm chất lượng. Việc đánh giá tổng thể hoạt động quản lý kho bãi được xác định qua một bộ các chỉ tiêu cụ thể.

40. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (0, 120, 0)
- *Học phần tiên quyết*: Chiến lược và kế hoạch phát triển trong DNTM
- *Học phần học trước*: Quản trị học, Dự báo thị trường, Marketing thương mại, tiểu luận 1

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh là học phần phát triển kỹ năng chuyên môn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để thu thập thông tin về môi trường, phân tích, đánh giá sự ảnh hưởng của các yếu tố môi trường bên ngoài, bên trong doanh nghiệp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp qua đó xây dựng kế hoạch kinh doanh để triển khai một ý tưởng kinh doanh cụ thể phù hợp với điều kiện môi trường đã phân tích.

41. Quản trị thu mua

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Quản trị chuỗi cung ứng
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Quản trị mua hàng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động mua hàng trong chuỗi cung ứng. Hiểu rõ vai trò và trách nhiệm của mua hàng trong tổ chức, quan hệ của mua hàng với các hoạt động khác trong chuỗi cung ứng.

42. Thanh toán quốc tế

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Thanh toán quốc tế là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản và toàn diện vào những nội dung: tổng quan về hoạt động thanh toán quốc tế, tỷ giá hối đoái, thị trường hối đoái và các nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ, kiến thức thương mại quốc tế liên quan phục vụ cho hoạt động thanh toán quốc tế như hợp đồng ngoại thương, điều kiện thương mại quốc tế Incoterms, chứng từ thương mại, phương tiện thanh toán quốc tế và phương thức thanh toán quốc tế.

43. Nghiệp vụ hải quan

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu
- *Học phần học trước*: Luật Thương mại, Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu.

- *Tóm tắt nội dung học phần:* “Ngh nghiệp vụ hải quan” là học phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học, chuyên ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về kỹ thuật nghiệp vụ hải quan như: thủ tục hải quan, các nghiệp vụ của hải quan, phân loại hàng hóa, xuất xứ hàng hóa, trị giá hải quan và thuế xuất nhập khẩu.

44. Thực hành Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết:* Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu
- *Học phần học trước:* Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực hành Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu là học phần thực hành chung của chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần được xây dựng nhằm giúp sinh viên có khả năng thực tế trong việc thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu.

45. Thực tập cuối khóa

Số TC: 5

- *Phân bố thời gian học tập:* 5 (0,300,0)
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Không
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho người học kinh nghiệm ứng dụng những lý thuyết Logistics và quản lý chuỗi cung ứng trong nghiên cứu, phân tích, đánh giá những vấn đề thực tế của doanh nghiệp, cụ thể như: Xác định đặc điểm chung của doanh nghiệp (loại hình doanh nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, quy mô kinh doanh); Đánh giá cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của doanh nghiệp; Đánh giá chung tình hình kinh doanh của DN hiện nay; Mô tả và đánh giá các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

46. Khóa luận tốt nghiệp

Số TC: 9

- *Phân bố thời gian học tập:* 9 (0, 540, 0)
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Không
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Khóa luận tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện nhằm chứng minh người học đã hội đủ kiến thức và khả năng giải quyết một vấn đề khoa học thuộc ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Khóa luận được hoàn thành đúng quy định của quy chế đào tạo phải cho thấy những tri thức khoa học chuyên ngành liên quan đến vấn đề nghiên cứu mà những tri thức này được người học lĩnh hội trong quá trình học tập. Đồng thời người học phải cho thấy được khả năng vận dụng tri thức khoa học, những hiểu biết thực tiễn có liên quan, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết vấn đề nghiên cứu đã lựa chọn. Bên cạnh đó, quá trình tổ chức và thực thi việc nghiên cứu khoa học cho khóa luận cũng phản ánh tinh thần trách nhiệm, tính khoa học, tính tự chủ, tính sáng tạo và sự tự tin đối với chuyên môn ngành nghề của người học.

47. Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng Ngoại thương

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Nghiệp vụ kinh doanh XNK
- *Học phần học trước*: Giao dịch đàm phán kinh doanh, Nghiệp vụ kinh doanh XNK
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng Ngoại thương là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về hợp đồng Ngoại thương, các kỹ thuật về soạn thảo hợp đồng Ngoại thương và các luật được áp dụng trong các hợp đồng Ngoại thương.

48. Giao dịch và đàm phán kinh doanh

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Quản trị học, Marketing căn bản, Văn hóa kinh doanh
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Giao dịch và đàm phán kinh doanh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần cung cấp những kiến thức về giao tiếp của con người trong lĩnh vực kinh tế; nghiên cứu những hành vi và kỹ năng trong giao tiếp; nghiên cứu hoạt động đàm phán trong kinh doanh, những kỹ thuật tổ chức đàm phán. Nắm được cách thức làm việc theo nhóm; những phương pháp và phong cách lãnh đạo, các kỹ năng lãnh đạo nhằm mang lại thành công trong công việc nói chung và cả trong giao dịch kinh doanh nói riêng. Từ đó khái quát hóa lý luận thành chiến lược, chiến thuật và nghệ thuật giao dịch, đàm phán.

49. Logistic trong thương mại điện tử

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Quản trị logistics, Quản trị chuỗi cung ứng.
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Logistics trong thương mại điện tử là học phần kiến thức chuyên ngành thuộc ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về logistics trong thương mại điện tử. Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho người học những kiến thức cần thiết nhất để xây dựng các mục tiêu, lập kế hoạch, triển khai và kiểm soát các hoạt động logistics trong thương mại điện tử.

12. Đối sánh chương trình đào tạo

12.1. Đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

12.1.1. Chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia Việt Nam

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.	TCTN 3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.	KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	TCTN 4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.
KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyên tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.	
	KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	

12.1.2. Đối sánh giữa Chuẩn đầu ra của CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam

Khung TĐQG	Chuẩn đầu ra của CTĐT																				
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12	CĐR13	CĐR14	CĐR15	CĐR16	CĐR17	CĐR18	CĐR19	CĐR20	CĐR21
KT1			X			X	X														
KT2	X	X																			
KT3					X		X				X										
KT4								X	X	X	X										
KT5								X	X	X	X										
KN1												X	X	X	X	X	X				
KN2									X			X			X						
KN3												X	X				X				
KN4												X	X	X	X	X	X				
KN5												X	X	X			X				
KN6				X								X		X							
TCTN1																		X	X	X	X
TCTN2																		X	X	X	X
TCTN3																		X	X	X	X
TCTN4																		X	X	X	X

12.2. Đối sánh khung chương trình đào tạo

12.2.1 So sánh CTĐT với CTĐT tương ứng của Trường Đại học Kinh tế quốc dân và Đại học ngoại thương

ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)		
Học phần	Số TC	Tỷ lệ (%)	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	38	25,67%	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	44	33,56%	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	44	32,12%
<i>1.1. Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn</i>	13	8,7%	<i>1.1. Các học phần chung</i>	20	15,27%	<i>1.1. Lý luận chính trị</i>	11	8,03%
1. Triết học Mác-Lênin	3	2%	1. Triết học Mác-Lênin	3	2,29%	1. Triết học Mác – Lênin	3	2,19%
2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	1,36%	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	1,53%	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	1,46%
3. CNXH Khoa học	2	1,36%	3. CNXH Khoa học	2	1,53%	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1,46%
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,36%	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,53%	4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1,46%
5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1,36%	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1,53%	5. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,46%
6. Pháp luật đại cương	2	1,36%						

ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)		
Giáo dục thể chất	4	2,7%	Giáo dục thể chất	4		Giáo dục thể chất		
Giáo dục quốc phòng an ninh	8	5,4%	Giáo dục quốc phòng an ninh	8		Giáo dục quốc phòng		
<i>1.2. Kiến thức toán và khoa học cơ bản</i>	6	4 %	<i>1.2. Các học phần của Trường</i>	12	9,16%	<i>1.2. Khoa học xã hội, Nhân văn – Nghệ thuật, Toán – Tin học</i>	18	13,13%
1. Toán ứng dụng trong kinh tế	3	2%	1. Toán cho các nhà kinh tế	3	2,29%	1.Toán cao cấp	3	2,19%
2. Xác suất thống kê	3	2%	2. Pháp luật đại cương	3	2,29%	2.Pháp luật đại cương	3	2,19%
			3. Kinh tế vi mô 1	3	2,29%	3.Tin học	3	2,19%
			4. Kinh tế vĩ mô 1	3	2,29%	4.Logic học và phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học	3	2,19%
<i>1.3. Kiến thức, kỹ năng bổ trợ</i>	3	2,%	<i>1.3. Các học phần của ngành</i>	12	9,16%	5.Kỹ năng phát triển nghề nghiệp Logistics & quản lý chuỗi cung ứng	3	2,19%
1. Kỹ năng phát triển nghề nghiệp Logistics	1	0,68%	1. Quản trị kinh doanh 1	3	2,29%	6.Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ 7.Kinh tế lượng	3	2,19%
2. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1	0,68%	2. Thống kê trong kinh tế và kinh doanh	3	2,29%			

ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)		
3. Kỹ năng nhận thức bản thân	1	0,68%	3. Hệ thống thông tin quản lý	3	2,29%			
			4. Marketing căn bản	3	2,29%			
<i>1.4. Kiến thức Ngoại Ngữ</i>	<i>16</i>	<i>10,88%</i>	<i>1.4. Ngoại ngữ</i>	<i>9</i>	<i>6,87%</i>	<i>1.3. Ngoại ngữ</i>	<i>15</i>	<i>10,95%</i>
1. Tiếng Anh 1	4	2,72%				1.Ngoại ngữ 1 – 1 (Tiếng Anh)	3	2,19%
2. Tiếng Anh 2	4	2,72%				2.Ngoại ngữ 1 – 2 (Tiếng Anh)	3	2,19%
3. Tiếng Anh 3	4	2,72%				3.Ngoại ngữ 1- 3 (Tiếng Anh)	3	2,19%
4. Tiếng Anh 4	4	2,72%				4.Ngoại ngữ 1 - 4 (Tiếng Anh)	2	1,46%
						5.Ngoại ngữ 1 - 5 (Tiếng Anh)	2	1,46%
						6.Ngoại ngữ 1 – 6 (Tiếng Anh)	2	1,46%
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	98	72,06%	2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	87	66,41%	2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	67,88%
<i>2.1 Kiến thức cơ sở ngành</i>	<i>25</i>	<i>18,38%</i>	<i>2.1 Kiến thức cơ sở ngành</i>	<i>15</i>	<i>11,45%</i>	<i>2.1 Kiến thức cơ sở ngành</i>	<i>24</i>	<i>17,52%</i>

ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)		
1. Kinh tế vi mô	2	1,47%	1.Hội nhập kinh tế quốc tế	3	2,31%	1.Kinh tế vi mô	3	2,19%
2. Kinh tế vĩ mô	2	1,47%	2.Nguyên lý kế toán	3	2,31%	2.Kinh tế vĩ mô	3	2,19%
3. Lý thuyết hạch toán kế toán	3	2%	3.Quản trị chuỗi cung ứng quốc tế	3	2,31%	3.Tài chính tiền tệ	3	2,19%
4. Quản trị học	3	2%	4.Quản trị logistics căn bản	3	2,31%	4.Quản trị học	3	2,19%
5. Luật thương mại	3	2%	5.Kinh doanh Thương mại	3	2,31%	5.Nguyên lý kế toán	3	2,19%
6. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	2	1.47%				6.Thương mại dịch vụ	3	2,19%
7.Mar căn bản	3	2%				8.Kinh tế kinh doanh	3	2,19%
						9.Chính sách thương mại quốc tế	3	2,19%
<i>Kiến thức tự chọn (7 tín chỉ)</i>								
7. TC1: Kế toán DN	3	2%						
8. TC2: Văn hóa Kinh doanh	2	2%						
9. TC3: Lịch sử HTKT	2	2%						
2.2 Kiến thức chung của ngành	45	33,08%	2.2. Kiến thức ngành	44	33,59%	2.2. Kiến thức ngành	33	24,09%

ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)		
<i>Kiến thức bắt buộc</i>			<i>Kiến thức bắt buộc</i>					
1. Quản trị chuỗi cung ứng	3	2%	1.Kinh doanh Logistics	3	2,29%	1.Quản trị Marketing toàn cầu	3	2,19%
2. Logistics	3	2%	2.Thương mại doanh nghiệp	3	2,29%	2.Giao dịch thương mại quốc tế	3	2,19%
3. Thương mại điện tử	3	2%	3.Hệ thống thông tin quản lý trong Logistics	3	2,29%	3.Pháp luật trong kinh doanh quốc tế	3	2,19%
4. Dự báo thị trường	3	2%	4.Quản trị kinh doanh Thương mại quốc tế	3	2,29%	4.Kinh doanh quốc tế	3	2,19%
5. Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	2%	5.Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	3	2,29%	5.Quản trị dự án đầu tư quốc tế	3	2,19%
6. Quản lý quan hệ khách hàng	3	2%	6.Giao dịch và đàm phán kinh doanh	3	2,29%	6.Nguyên lý cơ bản về Logistics & quản lý chuỗi cung ứng	3	2,19%
7. Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	2	1,47%	7.Kinh doanh quốc tế	3	2,29%	7.Thị trường và quản trị tài chính	3	2,19%
8. Quản trị kho	3	2%	8.Thương mại điện tử	3	2,29%	8.Điều hành dịch vụ Logistics	3	2,19%

ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)		
9. Giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	2	1,47%	9.Nghiệp vụ hải quan	3	2,29%	9.Quản lý hợp đồng trong chuỗi cung ứng	3	2,19%
10. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh	3	2%	10.Đề án ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	2	2,29%	10.Ngoại ngữ 2 – 1	3	2,19%
						11.Ngoại ngữ 2 – 2	3	2,19%
<i>Kiến thức tự chọn (16 tín chỉ)</i>			<i>Kiến thức tự chọn (15 tín chỉ)</i>	15	11,45%			
1. TC1: Tin học ứng dụng Logistics và chuỗi cung ứng	3	2%	1.Quản trị dự trữ	3	2,29%			
2. TC2:Thực hành nghiệp vụ giao nhận vận tải	2	1,47%	2.Marketing công nghệ số	3	2,29%			
3. TC3: Phân tích KD	3	2%	3.Định mức kinh tế kỹ thuật	3	2,29%			
4. TC4: Marketing thương mại	3	2%	4.Quản trị nhân lực	3	2,29%			
5. TC5. TT Thương mại điện tử	2	1,47%	5.Luật Hàng hải Quốc tế	3	2,29%			
6. TC6. Thực hành quản lý kho hàng	2	1,47%	7.Luật Thương mại	3	2,29%			

ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)		
			8.Phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội	3	2,29%			
			9.Quản trị vận hành Logistics	3	2,29%			
2.3. Kiến thức chuyên ngành	28	20,58%	2.3. Kiến thức chuyên ngành	18	13,74%	2.3. Kiến thức chuyên ngành	24	17,52%
						Bắt buộc	15	10,95%
1. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh	2	1,47%	1. Logistics trong doanh nghiệp	3	2,29%	1.Quản lý mua hàng toàn cầu	3	2,19%
2. Thanh toán quốc tế	3	2%	2. Quản trị vận tải đa phương thức	3	2,29%	2.Quản lý sản xuất	3	2,19%
3. Quản trị thu mua	3	2%	3. Quản trị doanh nghiệp Logistics	3	2,29%	3.Quản lý vận tải quốc tế	3	2,19%
4. Nghiệp vụ hải quan	3	2%	4. E - Logistics	3	2,29%	4.Quản lý kho hàng và phân phối	3	2,19%
5. Thực hành nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	2%	5. Cơ sở hạ tầng Logistics	3	2,29%	5.Lập kế hoạch Logistics & SCM	3	2,19%
khóa luận TN	9	6%	6. Kinh doanh dịch vụ quốc tế	3	2,29%	Tự chọn	9	6,57%

ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)		
6. HPTT1. Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng Ngoại thương	3	2%	7. Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	2,29%	1.Ngoại ngữ 2 – 3	3	2,19%
7. HPTT2.Giao dịch đàm phán kinh doanh	3	2%	8. Thanh toán và tín dụng thương mại quốc tế	3	2,29%	2.Bảo hiểm trong kinh doanh	3	2,19%
8. HPTT3.Logistics trong thương mại điện tử	3	2%	9. Thương phẩm học hàng hoá	3	2,29%	3.Vận tải đường biển và đường hàng không	3	2,19%
			10. Kế toán quản trị	3	2,29%	4.Vận tải đa phương thức quốc tế	3	2,19%
						5.Quản lý thông tin trong chuỗi cung ứng	3	2,19%
						6.Chiến lược quản lý chuỗi cung ứng	3	2,19%
						7.Truyền thông trong kinh doanh quốc tế	3	2,19%
						8.Kinh tế đầu tư	3	2,19%
						9.Thương hiệu trong kinh doanh quốc tế	3	2,19%

ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)		
						10. Quản lý nhà nước về hải quan	3	2,19%
						11. Quan hệ khách hàng trong kinh doanh	3	2,19%
						12. Thuế và hệ thống thuế ở Việt Nam	3	2,19%
						13. Quan hệ kinh tế quốc tế	3	2,19%
						14. Đàm phán quốc tế	3	2,19%
						15. Thuận lợi hóa thương mại	3	2,19%
						16. Chuyển giao công nghệ	3	2,19%
						17. Chiến lược truyền thông	3	2,19%
						18. Tài chính doanh nghiệp	3	2,19%
<i>Thực Tập Cuối Khóa</i>	5	3,67%				<i>Thực tập giữa khóa</i>	3	2,19%
			<i>Chuyên đề thực tập</i>	10	7,63%	<i>Học phần tốt nghiệp</i>	9	6,57%

ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)		
Tổng tín chỉ CTĐT	136	100%	Tổng tín chỉ CTĐT	131	100%	Tổng tín chỉ CTĐT	137	100%

12.2.2. So sánh CTĐT với CTĐT tương ứng của Đại học Thương mại và Đại học Tài chính – Marketing

ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING (Ngành: Logistics và quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu)		
Học phần	Số TC	Tỷ lệ (%)	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	38	27,94%	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	45	34,35%	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	33	27,5%
1.1. Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn	13	7,69%	1.1. Các học phần bắt buộc	32	24,43%	1.1. Lý luận chính trị	11	9,17%
1. Triết học Mác-Lênin	3	2%	1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lenin 1	2	1,53%	1. Triết học	3	2,5%
2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	1,36%	2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lenin 2	3	2,29%	2. Kinh tế Chính trị	2	1,67%
3. CNXH Khoa học	2	1,36%	3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	2,29%	3. Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	1,67%
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,36%	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,53%	4. Đường lối cách mạng của Đảng	2	1,67%

ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING (Ngành: Logistics và quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu)		
						Cộng sản		
5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1,36%	5. Pháp luật đại cương	2	1,53%	5. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,67%
6. Pháp luật đại cương	2	1,36%	6. Toán cao cấp 1	2	1,53%	Giáo dục thể chất	4	
Giáo dục thể chất	4		7. Toán cao cấp 2	2	1,53%	Giáo dục quốc phòng	8	
Giáo dục quốc phòng an ninh	8		8. Tin học quản lý	3	2,29%			
1.2. Kiến thức toán và khoa học cơ bản	6	4, %	9. Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1,53%	1.2. Khoa học xã hội, Toán – Tin học	10	8,3%
1. Toán ứng dụng trong kinh tế	3	2%	Giáo dục thể chất	3				
2. Xác suất thống kê	3	2%	Giáo dục quốc phòng	8		1. Pháp luật đại cương	3	2,5%
		1,36%				2. Lý thuyết xác suất và thống kê	3	2,5%
						3. Tin học đại cương	4	3.33%
1.3. Kiến thức, kỹ năng bổ trợ	3	2,72%	1.2. Các học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 hp dưới)	2	1,53%	1.3. Kỹ năng mềm	6	5%
1. Kỹ năng phát triển nghề nghiệp Logistics	1	0,68%	1. Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	1,53%	1. Kỹ năng thuyết trình	1	0,83%

ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING (Ngành: Logistics và quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu)		
2. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1	0,68%	2. Tổng luận thương phẩm học	2	1,53%	2. Kỹ năng làm việc nhóm	1	0,83%
3. Kỹ năng nhận thức bản thân	1	0,68%				3. Kỹ năng quản lý thời gian	1	0,83%
						4. Kỹ năng tư duy sáng tạo	1	0,83%
						(chọn 2 trong 4 kỹ năng, tổng 2 tc) Kỹ năng giao tiếp Kỹ năng giải quyết vấn đề Kỹ năng tìm việc Kỹ năng khám phá bản thân và Lập kế hoạch nghề nghiệp	2	1,67%
<i>1.4. Kiến thức Ngoại Ngữ</i>	<i>16</i>	<i>10,88%</i>	<i>1.3. Ngoại ngữ</i>	<i>11</i>		<i>1.4. Ngoại ngữ</i>	<i>12</i>	<i>10%</i>
1. Tiếng Anh 1	4	2,72%	1. Tiếng Anh 1	2	1,53%	1. Anh văn căn bản 1	3	2,5%
2. Tiếng Anh 2	4	2,72%	2. Tiếng Anh 2	2	1,53%	2. Anh văn căn bản 2	3	2,5%
3. Tiếng Anh 3	4	2,72%	3. Tiếng Anh 3	2	1,53%	3. Anh văn căn bản 3	3	2,5%
4. Tiếng Anh 4	4	2,72%	4. Tiếng Anh 4	2	1,53%	4. Anh văn căn bản 4	3	2,5%
			5. Tiếng Anh 5	3	2,29%			

ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING (Ngành: Logistics và quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu)		
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	98	72,06%	2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	86		2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	87	72,5%
2.1 Kiến thức cơ sở ngành	25	18,38%	2.1 Kiến thức cơ sở ngành	26		2.1 Kiến thức cơ sở ngành	31	25,83%
1. Kinh tế vi mô	2	1,47%	Kiến thức bắt buộc	18				
2. Kinh tế vĩ mô	2	1,47%	1. Kinh tế vi mô 1	3	2,29%	1. Kinh tế vi mô 1	3	2,5%
3. Lý thuyết hạch toán kế toán	3	2%	2. Kinh tế vĩ mô 1	3	2,29%	2. Kinh tế vĩ mô 1	3	2,5%
4. Quản trị học	3	2%	3. Quản trị học	3	2,29%	3. Toán dành cho kinh tế và quản trị	4	3,33%
5. Luật thương mại	3	2%	4. Marketing căn bản	3	2,29%	4. Marketing căn bản	3	2,5%
6. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	2	1,47%	5. Nhập môn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3	2,29%	5. Nguyên lý kế toán	3	2,5%
7. Marketing căn bản	3	2%	6. Kinh tế lượng	3	2,29%	6. Kinh doanh Quốc tế 1	3	2,5%
						7. Luật Thương mại quốc tế	3	2,5%
Kiến thức tự chọn (7 tín chỉ)						8. Quản trị học	3	2,5%
8. TC1: Kế toán DN	3	2%				9. Kinh tế lượng	3	2,5%
9. TC2: Văn hóa Kinh doanh	2	2%	Kiến thức tự chọn	8		10. Giao dịch thương mại quốc tế	3	2,5%
10. TC3: Lịch sử HTKT	2	2%	1. Nguyên lý thống kê	3	2,29%			

ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING (Ngành: Logistics và quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu)		
11. 2.2 Kiến thức chung của ngành	45	33,08%	2. Quản trị tri thức	3	2,29%			
12. Kiến thức bắt buộc			3. Hành vi tổ chức	3	2,29%			
13. Quản trị chuỗi cung ứng	3	2%	4. Nguyên lý quản lý kinh tế	3	2,29%			
14. Logistics	3	2%	5. Nguyên lý kế toán	3	2,29%			
15. Thương mại điện tử	3	2%	6. Nhập môn tài chính tiền tệ	3	2,29%			
16. Dự báo thị trường	3	2%	7. Khởi sự kinh doanh	2	1,53%			
17. Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	2%	8. Văn hóa kinh doanh	2	1,53%			
18. Quản lý quan hệ khách hàng	3	2%	2.2. Kiến thức ngành	38		2.2. Kiến thức ngành	14	11,67%
19. Tiểu luận 1: Dự báo thị trường	2	1,47%	Kiến thức bắt buộc	29				
20. Quản trị kho	3	2%	1. Quản trị chiến lược	3	2,29%	1. Thanh toán quốc	3	2,5%
21. Giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	2	1,47%	2. Marketing B2B	3	2,29%	2. Vận tải và Bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu	3	2,5%
22. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh	3	2%	3. Quản trị chuỗi cung ứng	3	2,29%	3. Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và Hải Quan	3	2,5%

ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu)		
2.2.2.Kiến thức tự chọn (16 tín chỉ)			5. Quản trị kênh phân phối	2	1,53%	5. Thực hành nghề nghiệp 1	2	1,67%
23. TC1: Tin học ứng dụng Logistics và chuỗi cung ứng	3	2%	6. Quản trị chất lượng	3	2,29%			
24. TC2:Thực hành nghiệp vụ giao nhận vận tải	2	1,47%	7. Quản trị logistics kinh doanh	3	2,29%			
25. TC3: Phân tích KD	3	2%	8. Logistics trong thương mại điện tử	3	2,29%			
26. TC4: Marketing thương mại	3	2%	9. Quản lý kho và trung tâm phân phối	3	2,29%			
27. TC5. TT Thương mại điện tử	2	1,47%	10. Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế	3	2,29%			
28. TC6. Thực hành quản lý kho hàng	2	1,47%						
			<i>Kiến thức tự chọn</i>	9				
2.3. Kiến thức chuyên ngành	28	20,58%	1. Quản trị công nghệ	3	2,29%			
			2. Logistics quốc tế	3	2,29%			
1. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh	2	1,47%	3. Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	3	2,29%			

ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING (Ngành: Logistics và quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu)		
3. Thanh toán quốc tế	3	2%	4. Luật thương mại quốc tế	3	2,29%			
4. Quản trị thu mua	3	2%	5. Marketing quốc tế	3	2,29%			
5. Nghiệp vụ hải quan	3	2%	6. Nghiệp vụ hải quan	3	2,29%			
6. Thực hành nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	2%						
7. Thay thế khóa luận TN						2.3. Kiến thức chuyên ngành	26	21,67%
9. HPTT1. Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng Ngoại thương	3	2%				Bắt buộc	20	16,67%
10. HPTT2.Giao dịch đàm phán kinh doanh	3	2%				1. Logistics	3	2,5%
11. HPTT3.Logistics trong thương mại điện tử	3	2%				2. Quản trị kho hàng xuất nhập khẩu	3	2,5%
						3. Quản trị Vận tải đa phương thức quốc tế	3	2,5%
						4. Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	3	2,5%
						5. Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng	3	2,5%
						6. Phân tích mô hình Logistics	3	2,5%

ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING (Ngành: Logistics và quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu)		
						7. Thực hành nghề nghiệp 2	2	1,67%
						<i>Kiến thức tự chọn</i>	6	5%
						1. Thương mại điện tử trong Logistics	3	2,5%
						2. Vận hành và khai thác cảng	3	2,5%
						3. Dịch vụ khách hàng trong Logistics	3	2,5%
						4. Quản trị hệ thống kênh phân phối trong Logistics	3	2,5%
						5. Quản trị vận hành	3	2,5%
						6. Hàng hóa và chất xếp hàng hóa trong Logistics	3	2,5%
						<i>2.4. Kiến thức bổ trợ ngành</i>	8	6,67%
<i>Thực Tập Cuối Khóa</i>	5	3,67%				1. Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	2	1,67%
<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	9	6,6%				2. Xuất xứ và phân loại hàng hóa XNK	3	2,5%
Tổng tín chỉ CTĐT	136	100%				3. Quản trị thu mua	3	2,5%

12.2.3 So sánh CTĐT với CTĐT tương ứng của Đại học quốc gia Singapore và Đại học Nam Texas

ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC QUỐC GIA SINGAPORE (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC NAM TEXAS (Ngành: Logistics và quản trị chuỗi cung ứng)		
Học phần	Số TC	Tỷ lệ (%)	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	38	25,67%	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	24	20%	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	43	35,54%
1.1. Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn	13	8,7%						
1. Triết học Mác-Lênin	3	2%				1. Chính sách và hành vi Chính trị của Hoa kỳ	3	2,48%
2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	1,36%				2. Tôn vinh chính sách và hành vi Chính trị của Hoa kỳ	3	2,48%
3. CNXH Khoa học	2	1,36%				3. Giới thiệu về triết học cổ đại	3	2,48%
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,36%	1. Văn hóa và kết nối	4	3,33%	4. Lịch sử Hoa kỳ	6	4,96%
5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1,36%	2. Singapore học	4	3,33%	5. Giới thiệu về giao tiếp	3	2,48%
6. Pháp luật đại cương	2	1,36%				6. Lịch sử nghệ thuật	3	2,48%
Giáo dục thể chất	4	2,7%				7. Viết về văn học I (tư duy phản biện bằng văn học)	3	2,48%
Giáo dục quốc phòng an ninh	8	5,4%				8. Tâm lý học đại cương	3	2,48%

ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC QUỐC GIA SINGAPORE (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC NAM TEXAS (Ngành: Logistics và quản trị chuỗi cung ứng)		
1.2. Kiến thức toán và khoa học cơ bản	6	4 %				1.2. Khoa học xã hội, Toán – Tin học		
1. Toán ứng dụng trong kinh tế	3	2%	3. Xác suất và thống kê	4	3,33%	9. Toán (lượng giác, ...)	3	2,48%
2. Xác suất thống kê	3	2%	4. Toán kỹ thuật	4	3,33%	10. Giải tích 1	4	2,48%
			5. Lý thuyết về kỹ thuật số	4	3,33%	11. Vật lý đại cương	3	2,48%
			6. Phương pháp lập trình	4	3,33%	12. Hóa học tổng quát	3	2,48%
1.3. Kiến thức, kỹ năng bổ trợ	3	2,%						
1. Kỹ năng phát triển nghề nghiệp Logistics	1	0,68%						
2. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1	0,68%						
3. Kỹ năng nhận thức bản thân	1	0,68%				13. Viết đại học	3	2,48%
1.4. Kiến thức Ngoại Ngữ	16	10,88%	1.3. Ngoại ngữ					
1. Tiếng Anh 1	4	2,72%						
2. Tiếng Anh 2	4	2,72%						
3. Tiếng Anh 3	4	2,72%						
4. Tiếng Anh 4	4	2,72%						
			2. Kiến thức giáo dục chuyên	76		2. Kiến thức giáo dục chuyên	78	64,46%

ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC QUỐC GIA SINGAPORE (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC NAM TEXAS (Ngành: Logistics và quản trị chuỗi cung ứng)		
			ng nghiệp			ng nghiệp		
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	98	72,06%	2.1 Kiến thức cơ sở ngành			2.1 Kiến thức cơ sở ngành	39	32,23%
2.1 Kiến thức cơ sở ngành	25	18,38%	Kiến thức bắt buộc					
1. Kinh tế vi mô	2	1,47%	1. Kinh tế kỹ thuật	4	3,33%	1. Khoa học kinh doanh	3	2,48%
2. Kinh tế vĩ mô	2	1,47%				2. Kinh tế vi mô	3	2,48%
3. Lý thuyết hạch toán kế toán	3	2%				3. Kinh tế vĩ mô	3	2,48%
4. Quản trị học	3	2%				4. Giới thiệu về máy tính trong DN	3	2,48%
5. Luật thương mại	3	2%				5. Quản lý doanh nghiệp kinh doanh (tự chọn)	3	2,48%
6. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	2	1,47%				6. Nguyên tắc quảng cáo và quan hệ công chúng (tự chọn)	3	2,48%
7. Mar căn bản	3	2%	2. Thống kê cho ứng dụng kỹ thuật	4	3,33%	7. Hệ thống thông tin cơ bản	3	2,48%
			3. Nghiên cứu hoạt động	4	3,33%	8. Bán hàng chuyên nghiệp	3	2,48%
2.1.2 Kiến thức tự chọn (7 tín chỉ)			4. Mô hình xác suất có ứng dụng	4	3,33%	9. Tài chính	3	2,48%
1. TC1: Kế toán DN	3	2%				10. Kế toán tài chính I	3	2,48%

ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC QUỐC GIA SINGAPORE (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC NAM TEXAS (Ngành: Logistics và quản trị chuỗi cung ứng)		
2. TC2: Văn hóa Kinh doanh	2	2%				11. Kế toán quản trị II	3	2,48%
3. TC3: Lịch sử HTKT	2	2%	5. Đạo đức trong kỹ thuật	4	3,33%	12. Môi trường pháp lý và đạo đức kinh doanh	3	2,48%
2.2 Kiến thức chung của ngành	45	33,08%				13. Phân tích dữ liệu với bảng tính	3	2,48%
<i>1.2.1. Kiến thức bắt buộc</i>						14. Thực hành tiếp thị	3	2,48%
1. Quản trị chuỗi cung ứng	3	2%						
2. Logistics	3	2%	2.2. Kiến thức ngành			2.2. Kiến thức ngành	39	32,23%
3. Thương mại điện tử	3	2%	Kiến thức bắt buộc					
4. Dự báo thị trường	3	2%				15. Quản trị logistics nâng cao	3	2,48%
5. Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	2%	6. Mô hình chuỗi cung ứng	4	3,33%	16. Quản trị dự án và hệ thống	3	2,48%
6. Quản lý quan hệ khách hàng	3	2%	7. Quản lý nguồn cung ứng và cung ứng toàn cầu	4	3,33%	17. Logistics và quản trị chuỗi cung ứng	3	2,48%
7. Tiểu luận 1: Dự báo thị trường	2	1,47%				18. Quản trị chuỗi cung ứng quốc tế	3	2,48%
8. Quản trị kho	3	2%	8. Kiến thức về dữ liệu	4	3,33%	19. Quản lý vận tải doanh nghiệp	3	2,48%
9. Giao nhận và vận tải hàng hóa	2	1,47%				20. Thông lệ ngành logistics (tự	3	2,48%

ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC QUỐC GIA SINGAPORE (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC NAM TEXAS (Ngành: Logistics và quản trị chuỗi cung ứng)		
quốc tế						chọn)		
10. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh	3	2%						
1.2.2. Kiến thức tự chọn (16 tín chỉ)								
1. TC1: Tin học ứng dụng Logistics và chuỗi cung ứng	3	2%	9. Quản trị kho và phân phối	4	3,33%			
2. TC2: Thực hành nghiệp vụ giao nhận vận tải	2	1,47%						
3. TC3 Phân tích KD	3	2%	10. Quản trị vận tải	4	3,33%			
4. TC4: Marketing thương mại	3	2%						
5. TC5. TT Thương mại điện tử	2	1,47%				21. Mua hàng và quản lý nguyên vật liệu	3	2,48%
6. TC6. Thực hành quản lý kho hàng	2	1,47%	11. Quản trị dự án (tự chọn)	4	3,33%	22. Quản lý hoạt động	3	2,48%
2.3. Kiến thức chuyên ngành	28	20,58%				23. Hành vi tổ chức	3	2,48%
1. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh	2	1,47%	12. Phân tích quyết định trong quản lý hoạt động và công nghiệp	4	3,33%			
2. Thanh toán quốc tế	3	2%	13. Mô hình hóa nâng cao trong	4	3,33%	24. Logistics và phân tích kinh	3	2,48%

ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC QUỐC GIA SINGAPORE (Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)			ĐẠI HỌC NAM TEXAS (Ngành: Logistics và quản trị chuỗi cung ứng)		
			quản lý hoạt động			doanh (tự chọn)		
3. Quản trị thu mua	3	2%	14. Phân tích và quản trị chi phí (tự chọn)	4	3,33%			
4. Nghiệp vụ hải quan	3	2%						
5. Thực hành nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	2%	15. Thiết kế chuỗi hệ thống	4	3,33%			
Thay thế khóa luận TN			16. Hậu cần cảng	4	3,33%			
HPTT1. Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng Ngoại thương	3	2%	17. Phê bình và biểu cảm	4	3,33%			
HPTT2.Giao dịch đàm phán kinh doanh	3	2%				25. E-logistics trong quản lý chuỗi cung ứng		2,48%
HPTT3.Logistics trong TMĐT	3	2%	Thực hành công nghiệp	12	10%	Thực tập Logistics	3	2,48%
			Luận văn tốt nghiệp	8	6,67%			
Tổng tín chỉ CTĐT	136	100%	Tổng tín chỉ CTĐT	120	100%	Tổng tín chỉ CTĐT	121	100%

13. Hướng dẫn thực hiện

13.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- ✓ Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- ✓ Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- ✓ Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Theo Quyết định 392/QĐ-ĐHKTCTCN ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

Và các quy định khác của Nhà nước về lĩnh vực đào tạo; các quy định hiện hành trong nhà trường: chế độ công tác giáo viên, quy định về tiêu chuẩn, quyền hạn, nhiệm vụ và hình thức xử lý đối với cán bộ, giáo viên.

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

13.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
 - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
 - Học tập: 15 tuần
 - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ tết: 2 tuần.
 - Sinh hoạt lớp, LD công ích: 1 tuần.
 - Học tập: 15 tuần
 - Thi học kỳ, dự trữ:
 - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ hè.
 - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
 - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
 - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

○ Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

○ Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long